



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Tuyền Quang

Số 13+14

Ngày 18 tháng 8 năm 2025

MỤC LỤC

I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Trang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

12 - 8 - 2025	Quyết định số 64/2025/QĐ-UBND quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyền Quang.	05
12 - 8 - 2025	Quyết định số 65/2025/QĐ-UBND quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Thủy lợi thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyền Quang.	14
12 - 8 - 2025	Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Bảo vệ Môi trường thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyền Quang.	23
12 - 8 - 2025	Quyết định số 67/2025/QĐ-UBND quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyền Quang.	34

12 - 8 - 2025	Quyết định số 68/2025/QĐ-UBND quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyền Quang.	44
12 - 8 - 2025	Quyết định số 69/2025/QĐ-UBND quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý rừng đặc dụng Bát Đại Sơn thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyền Quang.	52
12 - 8 - 2025	Quyết định số 70/2025/QĐ-UBND quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý rừng đặc dụng Du Già thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyền Quang.	58
12 - 8 - 2025	Quyết định số 71/2025/QĐ-UBND quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý rừng đặc dụng Nà Hang thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyền Quang.	64
12 - 8 - 2025	Quyết định số 72/2025/QĐ-UBND quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý rừng đặc dụng Phong Quang thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyền Quang.	69
12 - 8 - 2025	Quyết định số 73/2025/QĐ-UBND quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyền Quang.	75
12 - 8 - 2025	Quyết định số 74/2025/QĐ-UBND quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý rừng đặc dụng Tân Trào - Cham Chu thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyền Quang.	81
12 - 8 - 2025	Quyết định số 75/2025/QĐ-UBND quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý rừng phòng hộ Lâm Bình thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyền Quang.	86

12 - 8 - 2025	Quyết định số 76/2025/QĐ-UBND quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Khuyến nông thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang.	90
12 - 8 - 2025	Quyết định số 77/2025/QĐ-UBND quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Khoa học Nông nghiệp và Môi trường thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang.	94
12 - 8 - 2025	Quyết định số 78/2025/QĐ-UBND quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Thủy sản thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang.	98
12 - 8 - 2025	Quyết định số 79/2025/QĐ-UBND quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Điều tra, Quy hoạch - Thiết kế nông lâm nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang.	102
12 - 8 - 2025	Quyết định số 80/2025/QĐ-UBND quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khai thác công trình thủy lợi Tuyên Quang thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang.	106
12 - 8 - 2025	Quyết định số 81/2025/QĐ-UBND quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm nước sạch nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang.	114
12 - 8 - 2025	Quyết định số 82/2025/QĐ-UBND quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang.	119
16 - 8 - 2025	Quyết định số 83/2025/QĐ-UBND quy định cụ thể các nhiệm vụ chi tổ chức thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính theo quy định tại Điều 15 Nghị quyết số 76/2025/NQ-UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.	125

II. VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

12 - 8 - 2025	Quyết định số 441/QĐ-UBND về việc thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Tuyền Quang, giai đoạn 2021 - 2025.	128
12 - 8 - 2025	Quyết định số 449/QĐ-UBND thành lập các Chi cục, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyền Quang.	134

I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH****ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 64/2025/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 12 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của
Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng thuộc
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định phân định
thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của
Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định phân quyền,
phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định tổ chức các cơ
quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và
Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Thông tư số 19/2025/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và
Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về
Nông nghiệp và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung
ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc
Trung ương;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang;

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền
hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng thuộc
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang; Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang và các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 2. Vị trí, chức năng

1. Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng là tổ chức hành chính thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, tham mưu Giám đốc Sở thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về phát triển nông thôn, giảm nghèo; chất lượng, an toàn thực phẩm, chế biến và phát triển thị trường nông, lâm, thủy sản và muối theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm hàng hóa, an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

2. Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng có tư cách pháp nhân, có trụ sở làm việc, có con dấu và tài khoản riêng, được mở tài khoản theo quy định của pháp luật. Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Sở Nông nghiệp và Môi trường; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan quản lý lĩnh vực thuộc thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn

1. Tham mưu, giúp Giám đốc Sở trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, phân cấp về lĩnh vực phát triển nông thôn, giảm nghèo, chất lượng, an toàn thực phẩm, chế biến và phát triển thị trường nông sản, lâm sản, thủy sản và muối tại địa phương theo quy định.

2. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực phát triển nông thôn, giảm nghèo, chất lượng nông lâm thủy sản được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi thi hành pháp luật về lĩnh vực phát triển nông thôn, giảm nghèo, chất lượng sản phẩm hàng hóa, an toàn thực phẩm.

3. Về phát triển nông thôn

a) Tham mưu, giúp Giám đốc Sở trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện: Cơ chế, chính sách, biện pháp khuyến khích phát triển nông thôn, giảm nghèo và an sinh xã hội; phát triển kinh tế trang trại, kinh tế tập thể, hợp tác xã và liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; kế hoạch chuyển dịch cơ cấu kinh tế và chương trình phát triển nông thôn; chính sách phát triển cơ điện nông nghiệp; tổ chức sản xuất phát triển vùng nguyên liệu nông, lâm, thủy sản tập trung; bố trí ổn định dân cư, di dân tái định cư các công trình thủy lợi, thủy điện; định canh; phát triển cơ giới hóa, cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất nông nghiệp và chế biến nông sản; bảo tồn và phát triển các làng nghề, nghề truyền thống, làng nghề truyền thống, tôn vinh, công nhận và phát triển nghệ nhân, thợ giỏi lĩnh vực ngành nghề nông thôn; phát triển ngành thủ công mỹ nghệ; đào tạo, phổ biến chính sách công trong nông nghiệp; đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn; an toàn lao động trong sử dụng máy, thiết bị nông nghiệp;

b) Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy định về phân công, phân cấp thẩm định các chương trình, dự án liên quan đến phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại, kinh tế hợp tác, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp; liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông, lâm, thủy sản và muối; phát triển vùng nguyên liệu nông, lâm, thủy sản tập trung; thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn về máy móc và thiết bị nông nghiệp; phát triển cơ giới hóa, cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất nông nghiệp và chế biến nông sản; phát triển ngành nghề nông

thôn; bảo hiểm nông nghiệp, bảo tồn và phát triển các làng nghề, nghề truyền thống, làng nghề truyền thống, tôn vinh, công nhận và phát triển nghề nhân, thợ giỏi lĩnh vực ngành nghề nông thôn; đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn theo quy định; theo dõi, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh;

c) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện công tác xóa bỏ cây có chứa chất gây nghiện; định canh; bố trí dân cư và di dân, tái định cư trong nông thôn;

d) Tổ chức thực hiện chương trình, dự án hoặc hợp phần của chương trình, dự án an sinh xã hội nông thôn; chương trình hành động không còn nạn đói; bảo hiểm nông nghiệp; xây dựng khu dân cư; xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra các chương trình, dự án xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng nông thôn trên địa bàn tỉnh theo phân công và quy định của pháp luật chuyên ngành.

4. Về chế biến và phát triển thị trường nông sản, lâm sản, thủy sản và muối

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, chương trình, cơ chế, chính sách phát triển lĩnh vực chế biến gắn với sản xuất và thị trường các ngành hàng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở;

b) Hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá tình hình phát triển chế biến, bảo quản đối với các ngành hàng nông sản, lâm sản, thủy sản và muối;

c) Thực hiện công tác thu thập thông tin, phân tích, dự báo tình hình thị trường, chương trình phát triển thị trường, xúc tiến thương mại nông sản, lâm sản, thủy sản và muối thuộc phạm vi quản lý của Sở;

d) Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan tổ chức công tác xúc tiến thương mại đối với sản phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối.

5. Về chất lượng, an toàn thực phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối

a) Tham mưu, giúp Giám đốc Sở trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cấp, thu hồi chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, sơ chế, chế

biến, kinh doanh thực phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối trong phạm vi được phân công trên địa bàn tỉnh; cấp, bổ sung, sửa đổi, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hoá xuất khẩu theo phân cấp;

b) Hướng dẫn, kiểm tra về chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

c) Thẩm định, đánh giá, xếp loại về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến, kinh doanh sản phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối;

d) Thực hiện các chương trình giám sát, đánh giá nguy cơ và truy xuất nguồn gốc, điều tra nguyên nhân gây mất an toàn thực phẩm trong phạm vi được phân công trên địa bàn tỉnh theo quy định;

đ) Kiểm tra, truy xuất, thu hồi, xử lý thực phẩm không bảo đảm an toàn theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành và quy định của pháp luật;

e) Quản lý hoạt động chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật;

g) Quản lý hoạt động kiểm nghiệm, tổ chức cung ứng dịch vụ công về chất lượng, an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản và muối theo phân công hoặc ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

h) Tổ chức thực hiện kiểm soát an toàn thực phẩm tại chợ đầu mối, chợ đấu giá nông sản trên địa bàn tỉnh; quản lý mua, bán, sơ chế, chế biến, bảo quản, xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh theo quy định.

6. Về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số

a) Tổ chức thu nhận, xây dựng, vận hành, cập nhật và sử dụng thường xuyên cơ sở dữ liệu lĩnh vực phát triển nông thôn, chế biến và phát triển thị trường, chất lượng, an toàn thực phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối; tích hợp, đồng bộ, chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu lĩnh vực chuyên ngành; kết nối, cung cấp, chia sẻ sử dụng dữ liệu, dữ liệu mở về lĩnh vực chuyên ngành theo quy định.

b) Xây dựng, quản trị, vận hành hạ tầng số, nền tảng số, ứng dụng số, các cơ sở dữ liệu hệ thống thông tin về lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý;

c) Thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý; kết nối với Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định;

d) Thực hiện bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ an ninh mạng, bảo mật dữ liệu theo quy định; phòng, chống phần mềm độc hại; phòng, chống tấn công mạng thuộc phạm vi quản lý;

đ) Tổ chức phân tích, xử lý dữ liệu, thông tin, tổng hợp số liệu thống kê về phát triển nông thôn, chế biến và phát triển thị trường, chất lượng, an toàn thực phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối phục vụ công tác quản lý nhà nước, chuyên môn nghiệp vụ, phát triển kinh tế - xã hội thuộc phạm vi quản lý;

e) Tham gia phát triển Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh theo phân công; triển khai truy xuất nguồn gốc, nông nghiệp thông minh, nông thôn số, nông dân số; hướng dẫn, tập huấn chuyển đổi số, kỹ năng số thuộc phạm vi quản lý;

g) Quản lý, bảo quản tài liệu, tư liệu; cung cấp thông tin, dữ liệu về phát triển nông thôn, chế biến và phát triển thị trường, chất lượng, an toàn thực phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

7. Tham mưu, giúp Giám đốc Sở thực hiện nhiệm vụ quản lý đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình chuyên ngành, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư việc thực hiện đầu tư xây dựng các dự án và xây dựng mô hình phát triển về diêm nghiệp, phát triển nông thôn, trên địa bàn tỉnh; chịu trách nhiệm thực hiện các chương trình, dự án được giao.

8. Tham mưu Giám đốc Sở thực hiện nhiệm vụ cơ quan thường trực, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh tổ chức triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh và nhiệm

vụ thường trực công tác khác theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định của pháp luật.

9. Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về cấp, cấp lại, gia hạn, giấy chứng nhận, xác nhận, quyết định công nhận về lĩnh vực phát triển nông thôn, chế biến và phát triển thị trường, chất lượng, an toàn thực phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối theo quy định của pháp luật, phân công, ủy quyền của cấp có thẩm quyền; tham mưu, giúp Giám đốc Sở trình Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc phân cấp thẩm quyền, ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường với Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực phát triển nông thôn, chế biến và phát triển thị trường, chất lượng, an toàn thực phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối.

10. Tham mưu, hướng dẫn quản lý hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực phát triển nông thôn, chế biến và phát triển thị trường, chất lượng, an toàn thực phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối thuộc phạm vi quản lý của Sở; tham mưu, thực hiện và chịu trách nhiệm về các dịch vụ công thuộc lĩnh vực Chi cục được giao quản lý.

11. Tham mưu Giám đốc Sở giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, các hội và các tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực phát triển nông thôn, chế biến và phát triển thị trường, chất lượng, an toàn thực phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện hợp tác quốc tế về lĩnh vực phát triển nông thôn, chế biến và phát triển thị trường, chất lượng, an toàn thực phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối theo quy định của pháp luật.

13. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực phát triển nông thôn, chế biến và phát triển thị trường, chất lượng, an toàn thực phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối đối với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

14. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ, đổi mới sáng tạo vào sản xuất lĩnh vực phát triển nông thôn, chế biến và phát triển thị trường, chất lượng, an toàn thực phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối trên địa bàn tỉnh; tham mưu, giúp Giám đốc Sở trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ lĩnh vực phát triển nông thôn, chế biến và phát triển thị trường, chất lượng, an toàn thực phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối theo quy định của pháp luật.

15. Kiểm tra các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về phát triển nông thôn, chế biến và phát triển thị trường, chất lượng, an toàn thực phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

16. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, ngạch công chức và xếp ngạch công chức, vị trí việc làm; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và phân cấp hoặc ủy quyền của Giám đốc Sở.

17. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của cấp có thẩm quyền.

18. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định.

19. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác do Giám đốc Sở giao và theo phân cấp, ủy quyền, phân định thẩm quyền của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Chi cục, gồm: Chi cục trưởng và không quá 02 Phó Chi cục trưởng.

2. Các phòng thuộc Chi cục:

a) Phòng Hành chính - Tổng hợp.

b) Phòng Kinh tế hợp tác.

c) Phòng Phát triển nông thôn.

d) Phòng Chất lượng, chế biến và Phát triển thị trường.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 8 năm 2025.

2. Bãi bỏ Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các Chi cục thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Quyết định số 37/2025/QĐ-UBND ngày 05/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hà Giang.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Nội vụ, Tư pháp; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Phan Huy Ngọc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 65/2025/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 12 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của
Chi cục Thủy lợi thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14;

*Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định phân định
thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của
Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định phân quyền,
phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định tổ chức các cơ
quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và
Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Thông tư số 19/2025/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và
Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về
Nông nghiệp và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung
ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc
Trung ương;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang;

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền
hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Thủy lợi thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh
Tuyên Quang.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Thủy lợi thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang, Chi cục Thủy lợi thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Vị trí, chức năng

Chi cục Thủy lợi là tổ chức hành chính thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, tham mưu Giám đốc Sở thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về thủy lợi, đê điều, phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh.

Chi cục Thủy lợi có tư cách pháp nhân, có trụ sở làm việc, có con dấu và tài khoản riêng, được mở tài khoản theo quy định của pháp luật. Chi cục Thủy lợi chịu sự chỉ đạo, quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường; đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan quản lý lĩnh vực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn

1. Tham mưu, giúp Giám đốc Sở trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về lĩnh vực thủy lợi, nước sạch nông thôn, đê điều, phòng, chống thiên tai.

2. Tham mưu tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực tham mưu được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi thi hành pháp luật về thủy lợi, cấp nước sạch nông thôn, an toàn đập và hồ chứa nước, đê điều, phòng, chống thiên tai.

3. Về thủy lợi

a) Tham mưu, giúp Giám đốc Sở trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện: Quyết định phê duyệt, công bố kết quả điều tra cơ bản thủy lợi, quy trình vận hành công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh; quyết định giao tổ chức quản lý hoặc phân cấp quản lý công trình thủy lợi (bao gồm công trình thủy lợi mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến 02 tỉnh trở lên theo Danh mục phân giao quản lý công trình thủy lợi do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành), công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật; quy định cụ thể phạm vi vùng phụ cận, phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; phê duyệt phương án ứng phó thiên tai trong quá trình thi công, phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa nước; phương án huy động lực lượng, vật tư, phương tiện bảo vệ công trình thủy lợi khi xảy ra sự cố hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố; quy mô thủy lợi nội đồng; kinh phí đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, công trình cấp nước sạch nông thôn do địa phương quản lý;

b) Tham mưu, giúp Giám đốc Sở trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước (bao gồm đập, hồ chứa nước do Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý), công trình thủy lợi khác theo thẩm quyền trên địa bàn tỉnh; cấp, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép cho các hoạt động trong lĩnh vực thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định;

c) Tham mưu, giúp Giám đốc Sở chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan tại địa phương tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác theo quy định;

d) Tham mưu, giúp Giám đốc Sở chủ trì xây dựng phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước sạch nông thôn theo quy định của pháp luật; các nội dung liên quan đến thủy lợi, cấp nước sạch nông thôn trong quy hoạch tỉnh, quy hoạch thủy lợi và quy hoạch ngành quốc gia theo quy định;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật và của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp quản lý các hồ chứa nước, công trình thủy lợi, công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng, khai thác, sử dụng và bảo vệ các hồ chứa nước, công trình thủy lợi, công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh thuộc nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh; tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn trên địa bàn tỉnh theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh;

e) Tiếp nhận và quản lý hồ sơ, giấy phép các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh trên địa bàn; tổ chức thực hiện việc quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, cấp nước sạch nông thôn; thống kê, xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về thủy lợi theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh;

g) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định quản lý nhà nước về quản lý, khai thác và bảo vệ, bảo đảm an toàn công trình thủy lợi, công trình cấp nước sạch nông thôn;

h) Hướng dẫn, kiểm tra công tác tưới, tiêu, thoát nước phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định;

i) Theo dõi, giám sát, quan trắc diễn biến bồi lắng, xói lở công trình thủy lợi; hướng dẫn, quản lý việc tổ chức thực hiện khai thác, sử dụng tổng hợp, tiết kiệm, an toàn, có hiệu quả nguồn nước từ các công trình thủy lợi; hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý vận hành, điều tiết nguồn nước của các hệ thống công trình thủy lợi; bảo đảm cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt trong thực hiện phòng, chống, khắc phục hậu quả hạn hán, thiếu nước, sa mạc hóa, ngập lụt, úng trên địa bàn tỉnh; tổ chức quan trắc, dự báo, cảnh báo về hạn hán, ngập lụt, úng, số lượng, chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh;

k) Tham mưu, giúp Giám đốc Sở xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách, hướng dẫn thực hiện phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng, tưới

tiên tiến, tiết kiệm nước; cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

4. Về đề điều và phòng, chống thiên tai

a) Tham mưu, giúp Giám đốc Sở trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện: Kế hoạch phòng, chống thiên tai; quy hoạch, kế hoạch đầu tư xây dựng công trình phòng, chống thiên tai của địa phương theo phân công; tiêu chuẩn, định mức sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai, tiêu chí bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với công trình, nhà ở thuộc quyền sở hữu của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh; quyết định về tổ chức xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu, hệ thống quan trắc, theo dõi, giám sát chuyên dùng phòng, chống thiên tai; quyết định phê duyệt, công bố kết quả điều tra cơ bản về phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh; quyết định về lực lượng chuyên trách quản lý đề điều, lực lượng quản lý đề nhân dân; chế độ, chính sách đối với lực lượng quản lý đề nhân dân, lực lượng tuần tra, canh gác đề, cấp phép đối với các hoạt động nằm trong hành lang bảo vệ đề điều; chấp thuận sử dụng bãi sông, bãi nổi liên quan đến thoát lũ và đề điều; chấp thuận việc xây dựng, cải tạo công trình giao thông có liên quan đến đề điều; quyết định phê duyệt các phương án hộ đề;

b) Tham mưu Giám đốc Sở giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; quản lý thực hiện quy hoạch theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn đối với khu đô thị, điểm dân cư nông thôn, công trình hạ tầng kỹ thuật và quy hoạch sản xuất thích ứng với đặc điểm thiên tai trên địa bàn, bảo đảm phát triển bền vững; tổ chức thường trực, chỉ huy công tác ứng phó thiên tai thuộc lĩnh vực nông nghiệp; kiểm tra, tổng hợp, thống kê, đánh giá, báo cáo, công bố số liệu thiệt hại do thiên tai gây ra; thực hiện biện pháp bảo vệ sản xuất khi xảy ra thiên tai để giảm nhẹ thiệt hại, nhanh chóng phục hồi sản xuất;

c) Tham mưu, giúp Giám đốc Sở trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án ứng phó thiên tai; quyết định công bố tình huống khẩn cấp về thiên tai trên địa bàn theo phân công; quyết định phân lũ, làm chậm lũ để hộ đê theo thẩm quyền;

d) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đê, quy hoạch đê điều và phương án phòng, chống lũ của các tuyến sông có đê, phương án phát triển hệ thống đê điều trong quy hoạch tỉnh, đầu tư xây dựng, tu bổ, nâng cấp và kiên cố hóa, duy tu, bảo dưỡng đê điều, quản lý và bảo đảm an toàn đê điều theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh;

đ) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc đánh giá hiện trạng đê điều, xác định trọng điểm xung yếu đê điều; kiểm tra xây dựng, triển khai phương án hộ đê, công tác hộ đê, bảo đảm an toàn đê điều; tổng hợp, quản lý thông tin, dữ liệu về đê điều trong phạm vi của tỉnh;

e) Hướng dẫn, kiểm tra việc đầu tư xây dựng, duy tu, bảo dưỡng, vận hành và bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh;

g) Tuyên truyền, phổ biến nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng khu khai thác khoáng sản và khu khai thác tài nguyên thiên nhiên khác; khu đô thị; điểm du lịch, khu du lịch; khu công nghiệp; khu di tích lịch sử, điểm dân cư nông thôn và công trình;

h) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình đê điều; xây dựng kế hoạch, biện pháp thực hiện việc di dời công trình, nhà ở liên quan tới phạm vi bảo vệ công trình đê điều và bãi sông theo quy định.

5. Về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số

a) Tổ chức thu nhận, xây dựng, vận hành, cập nhật và sử dụng thường xuyên cơ sở dữ liệu lĩnh vực thủy lợi, đê điều và phòng, chống thiên tai; tích hợp, đồng bộ, chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các lĩnh vực thủy lợi, nước sạch nông

thôn, đề điều, phòng, chống thiên tai; kết nối, cung cấp, chia sẻ sử dụng dữ liệu, dữ liệu mở về lĩnh vực thủy lợi, nước sạch nông thôn, đề điều, phòng, chống thiên tai theo quy định;

b) Xây dựng, quản trị, vận hành hạ tầng số, nền tảng số, ứng dụng số, các cơ sở dữ liệu hệ thống thông tin về lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý;

c) Thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý; kết nối với Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định;

d) Thực hiện bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ an ninh mạng, bảo mật dữ liệu theo quy định; phòng, chống phần mềm độc hại; phòng, chống tấn công mạng thuộc phạm vi quản lý;

đ) Tổ chức phân tích, xử lý dữ liệu, thông tin, tổng hợp số liệu thống kê về thủy lợi, đề điều và phòng, chống thiên tai phục vụ công tác quản lý nhà nước, chuyên môn nghiệp vụ, phát triển kinh tế - xã hội thuộc phạm vi quản lý;

e) Tham gia phát triển Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh theo phân công; triển khai truy xuất nguồn gốc, nông nghiệp thông minh, nông thôn số, nông dân số; hướng dẫn, tập huấn chuyển đổi số, kỹ năng số thuộc phạm vi quản lý;

g) Quản lý, bảo quản tài liệu, tư liệu; cung cấp thông tin, dữ liệu về thủy lợi, đề điều và phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

6. Tham mưu, giúp Giám đốc Sở thực hiện nhiệm vụ quản lý đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình chuyên ngành thủy lợi, đề điều và phòng, chống thiên tai; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư việc thực hiện các dự án và xây dựng mô hình phát triển về thủy lợi, đề điều và phòng, chống thiên tai; chịu trách nhiệm thực hiện các chương trình, dự án được giao.

7. Tham mưu, giúp Giám đốc Sở thực hiện nhiệm vụ công tác phòng chống thiên tai theo lĩnh vực ngành, và quản lý nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định của pháp luật.

8. Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về giám định, đăng ký, cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận, xác nhận, quyết định công nhận, chứng chỉ hành nghề về lĩnh vực thủy lợi, đề điều và phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật, phân công, ủy quyền của cấp có thẩm quyền; tham mưu, giúp Giám đốc Sở trình Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc phân cấp thẩm quyền, ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường với Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thuộc lĩnh vực thủy lợi, đề điều và phòng, chống thiên tai.

9. Tham mưu, hướng dẫn quản lý hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực thủy lợi, đề điều và phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi quản lý của Sở; tham mưu, thực hiện và chịu trách nhiệm về các dịch vụ công thuộc lĩnh vực Chi cục được giao quản lý.

10. Tham mưu Giám đốc Sở giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, các hội và các tổ chức phi Chính phủ hoạt động trong lĩnh vực thủy lợi, đề điều và phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật.

11. Thực hiện hợp tác quốc tế về lĩnh vực thủy lợi, đề điều và phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật.

12. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực thủy lợi, đề điều và phòng, chống thiên tai đối với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

13. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ, đổi mới sáng tạo vào sản xuất lĩnh vực thủy lợi, đề điều và phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh; tham mưu, giúp Giám đốc Sở trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ lĩnh vực thủy lợi, đề điều và phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật.

14. Kiểm tra các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về thủy lợi, đề điều và phòng, chống thiên tai; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

15. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, ngạch công chức và xếp ngạch công chức, vị trí việc làm; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và phân cấp hoặc ủy quyền của Giám đốc Sở.

16. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của cấp có thẩm quyền.

17. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định.

18. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác do Giám đốc Sở giao và theo phân cấp, ủy quyền, phân định thẩm quyền của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Chi cục, gồm: Chỉ cục Trưởng và 01 Phó Chỉ cục Trưởng.

2. Các phòng thuộc Chi cục:

a) Phòng Hành chính - Tổng hợp.

b) Phòng Quản lý khai thác công trình thủy lợi và nước sạch nông thôn.

c) Phòng Quản lý xây dựng công trình và Phòng chống thiên tai.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 8 năm 2025.

2. Bãi bỏ Quyết định số 43/2025/QĐ-UBND ngày 11/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Thủy lợi trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hà Giang.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Nội vụ, Tư pháp; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Phan Huy Ngọc

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 66/2025/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 12 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Chi cục Bảo vệ môi trường thuộc Sở Nông nghiệp
và Môi trường tỉnh Tuyên Quang**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định phân định
thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của
Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định phân quyền,
phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường,*

*Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định tổ chức các cơ
quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và
Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Thông tư số 19/2025/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và
Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về
Nông nghiệp và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung
ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc
Trung ương;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang;

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền
hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Bảo vệ môi trường thuộc Sở Nông nghiệp và Môi
trường tỉnh Tuyên Quang.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Bảo vệ môi trường thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyền Quang.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyền Quang; Chi cục Bảo vệ môi trường thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyền Quang và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Vị trí, chức năng

1. Chi cục Bảo vệ môi trường là tổ chức hành chính thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, tham mưu Giám đốc Sở thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về lĩnh vực môi trường; khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Chi cục Bảo vệ môi trường có tư cách pháp nhân, có trụ sở làm việc, có con dấu và tài khoản riêng, được mở tài khoản theo quy định của pháp luật. Chi cục Bảo vệ môi trường chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Sở Nông nghiệp và Môi trường; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan quản lý lĩnh vực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn

1. Tham mưu, giúp Giám đốc Sở trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về lĩnh vực môi trường, khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu.

2. Tham mưu, giúp Giám đốc Sở tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực môi trường, khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt; thông tin, truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật, giáo dục nâng cao nhận

thức cộng đồng, hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi thi hành pháp luật về môi trường, khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu.

3. Về môi trường

a) Tham mưu, giúp Giám đốc Sở trình Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và ban hành Kế hoạch xử lý, cải tạo và phục hồi ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng; quy định định mức kinh tế, kỹ thuật về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; nội dung về bảo vệ môi trường trong quy hoạch tỉnh; kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt thuộc các sông, hồ nội tỉnh và nguồn nước mặt khác trên địa bàn có vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường; kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí của tỉnh; phương án bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định;

b) Tham mưu Giám đốc Sở giúp Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc đầu tư xây dựng công trình hạ tầng bảo vệ môi trường cụm công nghiệp trong trường hợp không có chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp theo quy định; yêu cầu bồi thường thiệt hại và tổ chức thu thập, thẩm định dữ liệu, chứng cứ để xác định thiệt hại đối với môi trường do ô nhiễm, suy thoái gây ra trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên; tổ chức thu thập và thẩm định dữ liệu, chứng cứ để xác định thiệt hại đối với môi trường do ô nhiễm, suy thoái theo đề nghị của Ủy ban nhân dân xã; tổ chức quản lý bùn nạo vét từ kênh, mương và công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý;

c) Tham mưu, giúp Giám đốc Sở trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch chuyển đổi, loại bỏ phương tiện giao thông sử dụng nhiên liệu hóa thạch, phương tiện giao thông gây ô nhiễm môi trường; phân định cụ thể các nhiệm vụ chỉ về bảo vệ môi trường của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách ở địa phương;

d) Tham mưu, giúp Giám đốc Sở trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, điều

chính, thu hồi giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư, cơ sở thuộc thẩm quyền theo quy định;

đ) Tham mưu, giúp Giám đốc Sở chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện kiểm soát nguồn ô nhiễm, quản lý chất thải, chất lượng môi trường, cải tạo và phục hồi môi trường, phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường; thực hiện nội dung, tiêu chí về bảo vệ môi trường nông thôn theo quy định của pháp luật;

e) Tổ chức xây dựng, quản lý mạng lưới quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh; xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện các chương trình quan trắc môi trường của địa phương, thông tin, cảnh báo về ô nhiễm môi trường theo quy định của pháp luật;

g) Tổ chức xây dựng, quản lý, khai thác, vận hành và triển khai hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường tỉnh, bảo đảm đồng bộ, tích hợp, kết nối, liên thông với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia; tổ chức lập, công bố báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh, báo cáo chuyên đề về môi trường của địa phương; hướng dẫn, tổ chức xây dựng báo cáo công tác bảo vệ môi trường của địa phương theo quy định của pháp luật;

h) Tổ chức thực hiện đánh giá môi trường chiến lược đối với quy hoạch tỉnh;

i) Hướng dẫn về chuyên môn, nhiệm vụ trọng tâm hoạt động bảo vệ môi trường của địa phương; tổng hợp, đề xuất dự toán chi sự nghiệp bảo vệ môi trường đối với các hoạt động bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của địa phương;

k) Đề xuất chính sách về thuế, phí bảo vệ môi trường, phát hành trái phiếu xanh và các công cụ kinh tế khác để huy động, sử dụng nguồn lực cho bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật; hướng dẫn việc xác định thiệt hại và yêu cầu bồi thường thiệt hại về môi trường trên địa bàn tỉnh;

l) Tổ chức thực hiện công tác bảo vệ môi trường trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định của pháp luật;

m) Tổ chức quản lý quỹ bảo vệ môi trường tỉnh theo quy định.

4. Về khí tượng thủy văn

a) Tham mưu, giúp Giám đốc Sở trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, đình chỉ, chấm dứt hiệu lực, thu hồi, cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn đối với các tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Tham mưu, giúp Giám đốc Sở trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ tại các vị trí thuộc địa bàn quản lý;

c) Tham mưu Giám đốc Sở giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức theo dõi, giám sát việc tác động vào thời tiết trong địa giới hành chính của tỉnh; chủ trì, phối hợp với cơ quan quân sự, công an cùng cấp, Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan có liên quan tổ chức thẩm định kế hoạch tác động vào thời tiết trong địa giới hành chính của tỉnh đối với các trường hợp được tác động vào thời tiết theo quy định;

d) Tham mưu Giám đốc Sở giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thẩm định, giám sát việc trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu với tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài không thuộc điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên đối với thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu trong địa giới hành chính của tỉnh;

đ) Chủ trì thẩm định các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng;

e) Thẩm định tiêu chuẩn kỹ thuật của công trình, thiết bị đo của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng, thiết bị quan trắc, định vị sét do địa phương xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;

g) Tổ chức bảo vệ công trình khí tượng thủy văn thuộc phạm vi quản lý; phối hợp với các cơ quan, đơn vị ở trung ương và địa phương trong việc bảo vệ, giải quyết các vi phạm hành lang kỹ thuật công trình khí tượng thủy văn của trung ương trên địa bàn;

h) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan lập kế hoạch phát triển mạng lưới trạm quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng phục vụ nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn trong phát triển kinh tế - xã hội và phòng,

chống thiên tai ở địa phương; tổ chức thực hiện kế hoạch, theo dõi việc thành lập, di chuyển, giải thể trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng;

i) Tổ chức kiểm tra việc thực hiện tiếp nhận và truyền, phát tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn trên địa bàn, phạm vi quản lý;

k) Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các quy định về quan trắc khí tượng thủy văn và cung cấp thông tin khí tượng thủy văn liên quan đến vận hành của chủ công trình phải quan trắc khí tượng thủy văn theo quy định của pháp luật;

l) Theo dõi, đánh giá việc khai thác, sử dụng tin dự báo, cảnh báo thiên tai khí tượng thủy văn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, phòng, chống thiên tai trên địa bàn; thẩm định, thẩm tra, đánh giá việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn trong các công trình, chương trình, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội;

m) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, đôn đốc theo thẩm quyền các hoạt động quan trắc, dự báo, cảnh báo và thực hiện các biện pháp phát triển hoạt động khí tượng thủy văn trên địa bàn.

5. Về biến đổi khí hậu

a) Xây dựng, cập nhật và tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu, Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu của địa phương;

b) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về biến đổi khí hậu thuộc phạm vi quản lý;

c) Thực hiện việc lồng ghép nội dung biến đổi khí hậu trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý;

d) Tổ chức triển khai các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu; đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu; xây dựng các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý;

đ) Tổ chức theo dõi, giám sát, đánh giá các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp địa phương thuộc thẩm quyền quản lý;

e) Theo dõi hoạt động kinh doanh tín chỉ các-bon trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý, kiểm soát hoạt động sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, tiêu thụ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính tại địa phương theo quy định của pháp luật và theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

g) Tổ chức điều tra, khảo sát, thu thập thông tin, dữ liệu phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia và cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia;

h) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hằng năm lập báo cáo về ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường phục vụ xây dựng báo cáo quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu;

i) Tham mưu xây dựng, tổ chức thực hiện Kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính lĩnh vực nông nghiệp và môi trường cấp địa phương;

k) Tổ chức theo dõi, giám sát các cơ sở lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường thuộc danh mục cơ sở phát thải khí nhà kính do Thủ tướng Chính phủ ban hành, có trách nhiệm thực hiện kiểm kê khí nhà kính của cơ sở; xây dựng kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính;

l) Thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo về phát thải khí nhà kính và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính lĩnh vực nông nghiệp và môi trường theo các quy định hiện hành;

m) Tham gia thực hiện các cam kết quốc tế về biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số lĩnh vực môi trường; khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu

a) Tổ chức thu nhận, xây dựng, vận hành, cập nhật và sử dụng thường xuyên cơ sở dữ liệu lĩnh vực môi trường, khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu; tích hợp, đồng bộ, chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các lĩnh vực đất đai, đo đạc, bản đồ, thông tin địa lý và viễn thám; kết nối, cung cấp, chia sẻ sử dụng dữ liệu, dữ liệu mở về lĩnh vực môi trường, khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu theo quy định;

b) Xây dựng, quản trị, vận hành hạ tầng số, nền tảng số, ứng dụng số, các cơ sở dữ liệu hệ thống thông tin về lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý;

c) Thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý; kết nối với Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định;

d) Thực hiện bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ an ninh mạng, bảo mật dữ liệu theo quy định; phòng, chống phần mềm độc hại; phòng, chống tấn công mạng thuộc phạm vi quản lý;

đ) Tổ chức phân tích, xử lý dữ liệu, thông tin, tổng hợp số liệu thống kê về môi trường, khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu phục vụ công tác quản lý nhà nước, chuyên môn nghiệp vụ, phát triển kinh tế - xã hội thuộc phạm vi quản lý;

e) Tham gia phát triển Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh theo phân công; triển khai truy xuất nguồn gốc, nông nghiệp thông minh, nông thôn số, nông dân số; hướng dẫn, tập huấn chuyển đổi số, kỹ năng số thuộc phạm vi quản lý;

g) Quản lý, bảo quản tài liệu, tư liệu; cung cấp thông tin, dữ liệu về môi trường, khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

7. Tổ chức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp, khí thải của các cơ sở thuộc đối tượng chịu phí trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

8. Tham mưu, giúp Giám đốc Sở thực hiện nhiệm vụ quản lý đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình chuyên ngành môi trường, khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư việc thực hiện các dự án và xây dựng mô hình phát triển về môi trường, khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh; chịu trách nhiệm thực hiện các chương trình, dự án được giao.

9. Tham mưu, giúp Giám đốc Sở thực hiện nhiệm vụ cơ quan thường trực về công tác môi trường, khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh và

nhiệm vụ thường trực công tác khác theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định của pháp luật.

10. Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về giám định, đăng ký, cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận, xác nhận, quyết định công nhận, chứng chỉ hành nghề về lĩnh vực môi trường, khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu theo quy định của pháp luật, phân công, ủy quyền của cấp có thẩm quyền; tham mưu, giúp Giám đốc Sở trình Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc phân cấp thẩm quyền, ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường với Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thuộc lĩnh vực môi trường, khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu.

11. Tham mưu, hướng dẫn quản lý hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực môi trường, khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu thuộc phạm vi quản lý của Sở; tham mưu, thực hiện và chịu trách nhiệm về các dịch vụ công thuộc lĩnh vực Chi cục được giao quản lý.

12. Tham mưu Giám đốc Sở giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, các hội và các tổ chức phi Chính phủ hoạt động trong lĩnh vực môi trường, khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu theo quy định của pháp luật.

13. Thực hiện hợp tác quốc tế về lĩnh vực môi trường, khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu theo quy định của pháp luật.

14. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực môi trường, khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu đối với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

15. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ, đổi mới sáng tạo vào sản xuất lĩnh vực môi trường, khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh; tham mưu, giúp Giám đốc Sở trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ lĩnh vực môi trường, khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu theo quy định của pháp luật.

16. Kiểm tra các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về môi trường, khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

17. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, ngạch công chức và xếp ngạch công chức, vị trí việc làm; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và phân cấp hoặc ủy quyền của Giám đốc Sở.

18. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của cấp có thẩm quyền.

19. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định.

20. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác do Giám đốc Sở giao và theo phân cấp, ủy quyền, phân định thẩm quyền của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Chi cục, gồm: Chi cục Trưởng và 01 Phó Chi cục Trưởng.

2. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Chi cục:

a) Phòng Hành chính - Tổng hợp.

b) Phòng Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu.

c) Phòng Bảo vệ môi trường.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 8 năm 2025.

2. Bãi bỏ Quyết định số 36/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Bảo vệ môi trường trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hà Giang.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Nội vụ, Tư pháp; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Phan Huy Ngọc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYỀN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 67/2025/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 12 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của
Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản thuộc Sở Nông nghiệp
và Môi trường tỉnh Tuyên Quang**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thú y số 79/2015/QH13, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 72/2017/QH14;

Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 19/2025/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang; Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản; các phòng, chuyên môn nghiệp vụ, các Trạm Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản khu vực thuộc Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Vị trí, chức năng

1. Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản là tổ chức hành chính thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, tham mưu Giám đốc Sở thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về chăn nuôi, thú y và thủy sản theo quy định của pháp luật về chăn nuôi, thú y và thủy sản.

2. Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản có tư cách pháp nhân, có trụ sở làm việc, có con dấu và tài khoản riêng, được mở tài khoản theo quy định của pháp luật. Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Sở Nông nghiệp và Môi trường; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan quản lý lĩnh vực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn

1. Tham mưu, giúp Giám đốc Sở trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, quy chuẩn

kỹ thuật, quy trình, định mức kinh tế - kỹ thuật, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về chăn nuôi, thú y và thủy sản trên địa bàn tỉnh theo phân công của Giám đốc Sở.

2. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y và thủy sản được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt; thông tin tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi thi hành pháp luật về lĩnh vực chăn nuôi, thú y và thủy sản thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao.

3. Về chăn nuôi và thú y

a) Tham mưu, giúp Giám đốc Sở trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện: Chiến lược, kế hoạch phát triển chăn nuôi, quy định mật độ chăn nuôi của địa phương; nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về khu vực không được phép chăn nuôi; chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi; chính sách hỗ trợ sản xuất, buôn bán, sử dụng thuốc thú y; các quy định, chính sách, hướng dẫn về hoạt động giết mổ, kiểm soát giết mổ động vật, kiểm tra vệ sinh thú y; kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật; chương trình giám sát, khống chế, thanh toán dịch bệnh động vật, xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật;

b) Tham mưu Giám đốc Sở giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện xây dựng vùng cơ sở an toàn dịch bệnh động vật, vùng chăn nuôi, sản xuất, chế biến thức ăn chăn nuôi; chăn nuôi, giết mổ động vật tập trung, sơ chế, chế biến các sản phẩm có nguồn gốc động vật theo hướng công nghiệp gắn với vùng chăn nuôi bảo đảm việc truy xuất nguồn gốc động vật, sản phẩm động vật; thực hiện phòng, chống dịch động vật trên cạn; thống kê, đánh giá thiệt hại do dịch bệnh động vật trên cạn gây ra; xây dựng cơ sở dữ liệu, cập nhật số liệu, khai thác, quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về chăn nuôi; cơ sở dữ liệu về giám sát dịch bệnh động vật và thông

tin dự báo, cảnh báo dịch bệnh động vật tại địa phương; thực hiện chính sách hỗ trợ ổn định đời sống, khôi phục chăn nuôi sau dịch bệnh động vật trên cạn;

c) Tham mưu, giúp Giám đốc Sở trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công bố dịch bệnh, công bố hết dịch bệnh động vật trên cạn theo quy định; quyết định công nhận, thu hồi hoặc hủy bỏ quyết định công nhận, cấp, gia hạn, thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ hành nghề trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định;

d) Hướng dẫn, kiểm tra thực hiện hoạt động chăn nuôi, hoạt động thú y trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

đ) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn tỉnh; kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam khi được ủy quyền theo quy định của pháp luật;

e) Tổ chức thực hiện công tác thu thập, lưu trữ, bảo tồn, khai thác nguồn gen giống vật nuôi; quản lý giống vật nuôi; quản lý thức ăn chăn nuôi và các vật tư khác thuộc lĩnh vực chăn nuôi và thú y theo quy định của pháp luật;

g) Quản lý và sử dụng dự trữ địa phương về thuốc thú y, vật tư, hàng hóa thuộc lĩnh vực chăn nuôi, thú y trên địa bàn tỉnh sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

h) Tổ chức chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quản lý, kiểm tra, kiểm soát giết mổ động vật theo quy trình và giám sát vệ sinh thú y tại các cơ sở giết mổ, sơ chế, bảo quản động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y; hành nghề thú y; quản lý thuốc thú y theo quy định của pháp luật;

i) Tham mưu Giám đốc Sở và thực hiện quản lý nhà nước về thức ăn chăn nuôi theo quy định của pháp luật.

4. Về thủy sản

a) Tham mưu, giúp Giám đốc Sở trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện: Kế hoạch

bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh theo quy định; quyết định công nhận và giao quyền quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại khu vực thuộc địa bàn từ hai đơn vị hành chính xã, phường (sau đây gọi chung là đơn vị hành chính cấp xã) trở lên; ban hành Danh mục nghề, ngư cụ cấm sử dụng khai thác thủy sản, Danh mục khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn trên địa bàn tỉnh;

b) Tham mưu Giám đốc Sở giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức quản lý hoạt động thủy sản trên địa bàn tỉnh; tổ chức quản lý sản xuất, khai thác thủy sản; quản lý khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản; tổ chức thực hiện điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của loài thủy sản theo chuyên đề, nghề nuôi cá thương phẩm trên địa bàn tỉnh; tổ chức thực hiện hoạt động tái tạo nguồn lợi thủy sản và phục hồi và bảo vệ môi trường sinh thái của các loài thủy sản, chống khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định; điều tra, xác định bổ sung khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản; hướng dẫn, kiểm tra công tác quản lý nguồn lợi thủy sản và hệ sinh thái thủy sinh trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, khu bảo tồn đất ngập nước; công tác nuôi trồng thủy sản, khai thác thủy sản;

c) Tham mưu, giúp Giám đốc Sở trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định; danh mục khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh; quyết định thành lập Quỹ bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản của tỉnh; cấp, cấp lại, thu hồi quyết định công nhận, giấy phép, giấy chứng nhận, văn bản chấp thuận trong lĩnh vực thủy sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định;

d) Quản lý chất lượng giống thủy sản, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản; giám sát hoạt động khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản; giám sát việc tham gia hội chợ, triển lãm, nghiên cứu khoa học và xử lý giống thủy sản, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản sau khi hội chợ, triển lãm kết thúc (đối với trường hợp nhập khẩu để trưng bày tại hội chợ, triển lãm) của tổ chức, cá nhân đăng ký nhập khẩu theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; thực hiện các thủ tục hành chính về công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản; công nhận kết quả khảo

nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản; quan trắc, cảnh báo môi trường vùng nuôi trồng thủy sản; phòng, chống dịch bệnh thủy sản theo quy định của pháp luật;

đ) Tổ chức thực hiện tuần tra, kiểm soát, phát hiện và xử lý vi phạm pháp luật về thủy sản trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý theo quy định;

e) Quản lý và khai thác thủy sản nội địa trên địa bàn tỉnh theo quy định.

5. Tham mưu Giám đốc Sở giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước đối với các hoạt động khuyến nông thuộc lĩnh vực chăn nuôi, thú y và thủy sản trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

6. Tham mưu Giám đốc Sở giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp kết hợp công nghiệp, nông nghiệp kết hợp dịch vụ, tăng trưởng xanh, kinh tế chia sẻ lĩnh vực chăn nuôi, thú y, thủy sản trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

7. Về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số

a) Tổ chức thu nhận, xây dựng, vận hành, cập nhật và sử dụng thường xuyên cơ sở dữ liệu lĩnh vực chăn nuôi, thú y, thủy sản; tích hợp, đồng bộ, chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các lĩnh vực chăn nuôi, thú y và thủy sản; kết nối, cung cấp, chia sẻ sử dụng dữ liệu, dữ liệu mở về lĩnh vực chăn nuôi, thú y và thủy sản theo quy định;

b) Xây dựng, quản trị, vận hành hạ tầng số, nền tảng số, ứng dụng số, các cơ sở dữ liệu hệ thống thông tin về lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý;

c) Thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý; kết nối với Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định;

d) Thực hiện bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ an ninh mạng, bảo mật dữ liệu theo quy định; phòng, chống phần mềm độc hại; phòng, chống tấn công mạng thuộc phạm vi quản lý;

đ) Tổ chức phân tích, xử lý dữ liệu, thông tin, tổng hợp số liệu thống kê về chăn nuôi, thú y và thủy sản phục vụ công tác quản lý nhà nước, chuyên môn nghiệp vụ, phát triển kinh tế - xã hội thuộc phạm vi quản lý;

e) Tham gia phát triển Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh theo phân công; triển khai truy xuất nguồn gốc, nông nghiệp thông minh, nông thôn số, nông dân số; hướng dẫn, tập huấn chuyển đổi số, kỹ năng số thuộc phạm vi quản lý;

g) Quản lý, bảo quản tài liệu, tư liệu; cung cấp thông tin, dữ liệu về chăn nuôi, thú y và thủy sản thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

8. Tham mưu, giúp Giám đốc Sở thực hiện nhiệm vụ quản lý đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình chuyên ngành chăn nuôi, thú y và thủy sản; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư việc thực hiện các dự án và xây dựng mô hình phát triển về chăn nuôi, thú y và thủy sản; chịu trách nhiệm thực hiện các chương trình, dự án được giao.

9. Tham mưu Giám đốc Sở thực hiện nhiệm vụ cơ quan thường trực, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thường trực về công tác phòng, chống dịch bệnh trong chăn nuôi và thủy sản trên địa bàn tỉnh và nhiệm vụ thường trực công tác khác theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định của pháp luật.

10. Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về giám định, đăng ký, cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận, xác nhận, quyết định công nhận, chứng chỉ hành nghề về lĩnh vực chăn nuôi, thú y và thủy sản theo quy định của pháp luật, phân công, ủy quyền của cấp có thẩm quyền; tham mưu, giúp Giám đốc Sở trình Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc phân cấp thẩm quyền, ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường với Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thuộc lĩnh vực chăn nuôi, thú y và thủy sản.

11. Tham mưu, hướng dẫn quản lý hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y và thủy sản thuộc phạm vi quản lý của Sở; tham

mu, thực hiện và chịu trách nhiệm về các dịch vụ công thuộc lĩnh vực Chi cục được giao quản lý.

12. Tham mưu Giám đốc Sở giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, các hội và các tổ chức phi Chính phủ hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y và thủy sản theo quy định của pháp luật.

13. Tham mưu thực hiện hợp tác quốc tế về lĩnh vực chăn nuôi, thú y và thủy sản theo quy định của pháp luật.

14. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực chăn nuôi, thú y và thủy sản đối với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

15. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ, đổi mới sáng tạo vào sản xuất lĩnh vực chăn nuôi, thú y và thủy sản trên địa bàn tỉnh; tham mưu, giúp Giám đốc Sở trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ lĩnh vực chăn nuôi, thú y và thủy sản theo quy định của pháp luật.

16. Kiểm tra các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về chăn nuôi, thú y và thủy sản; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

17. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, ngạch công chức và xếp ngạch công chức, vị trí việc làm; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và phân cấp hoặc ủy quyền của Giám đốc Sở.

18. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của cấp có thẩm quyền.

19. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định.

20. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác do Giám đốc Sở giao và theo phân cấp, ủy quyền, phân định thẩm quyền của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Chi cục, gồm: Chi cục trưởng và không quá 02 Phó Chi cục trưởng.

2. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc chi cục:

a) Phòng Hành chính - Tổng hợp.

b) Phòng Thú y.

c) Phòng Chăn nuôi và Thủy sản.

3. Các Trạm Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản khu vực thuộc Chi cục:

a) Trạm Trạm Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản khu vực I.

b) Trạm Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản khu vực II.

c) Trạm Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản khu vực III.

d) Trạm Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản khu vực IV.

đ) Trạm Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản khu vực V.

e) Trạm Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản khu vực VI.

g) Trạm Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản khu vực VII.

h) Trạm Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản khu vực VIII.

Các Trạm Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản khu vực có trụ sở làm việc, có con dấu riêng và chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp, toàn diện của Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 8 năm 2025.

2. Bãi bỏ Quyết định số 34/2025/QĐ-UBND ngày 19/5/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hà Giang.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Nội vụ, Tư pháp; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Phan Huy Ngọc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 68/2025/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 12 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của
Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Sở Nông nghiệp
và Môi trường tỉnh Tuyên Quang**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 19/2025/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang; Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và các Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật khu vực thuộc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Vị trí, chức năng

1. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật là tổ chức hành chính thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, tham mưu Giám đốc Sở thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về trồng trọt, bảo vệ thực vật, kiểm dịch thực vật theo quy định của pháp luật về trồng trọt, bảo vệ và kiểm dịch thực vật trên địa bàn tỉnh.

2. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật có tư cách pháp nhân, có trụ sở làm việc, có con dấu và tài khoản riêng, được mở tài khoản theo quy định của pháp luật. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Sở Nông nghiệp và Môi trường; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan quản lý lĩnh vực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn

1. Tham mưu, giúp Giám đốc Sở trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình, định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất trồng trọt, giống cây trồng nông nghiệp, sử dụng đất sản xuất nông nghiệp, bảo vệ thực vật, kiểm dịch thực vật, quản lý phân bón và thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ và kiểm dịch thực vật được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt; thông tin tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi thi hành pháp luật về các lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ và kiểm dịch thực vật thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao.

3. Về trồng trọt, bảo vệ thực vật:

a) Tham mưu, giúp Giám đốc Sở trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện: Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa; kế hoạch sản xuất trồng trọt của địa phương; chính sách hỗ trợ sản xuất, buôn bán, sử dụng giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, chuyển đổi số trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật; kế hoạch phòng, chống sinh vật gây hại, kiểm dịch thực vật nội địa;

b) Tham mưu Giám đốc Sở giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện cơ cấu cây trồng, cơ cấu giống, canh tác, kỹ thuật trồng trọt, thu hoạch, bảo quản sản phẩm cây trồng; xây dựng và tổ chức thực hiện vùng không nhiễm sinh vật gây hại trên địa bàn tỉnh; tổ chức phòng, chống dịch, thực hiện các biện pháp bảo vệ sản xuất khi xảy ra dịch hại thực vật; thống kê, đánh giá thiệt hại do dịch gây ra; thực hiện chính sách hỗ trợ ổn định đời sống, khôi phục sản xuất; chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng, thi hành các biện pháp quản lý nhà nước về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng tại địa phương;

c) Tham mưu Giám đốc Sở giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện hoạt động trồng trọt; phát triển vùng sản xuất cây trồng, sản xuất nông sản thực phẩm an toàn; tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất, bảo vệ và cải tạo độ phì của đất nông nghiệp, chống xói mòn, sa mạc hóa và sạt lở đất thuộc nhiệm vụ của Sở và quy định của pháp luật; sản xuất trồng trọt giảm phát thải, sản xuất tuần hoàn, thích ứng với biến đổi khí hậu; trồng trọt hữu cơ; hoạt động bảo vệ và kiểm

dịch thực vật; thực hiện cấp, quản lý mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

d) Tham mưu, giúp Giám đốc Sở trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công bố dịch hại thực vật; quyết định công nhận, thu hồi hoặc hủy bỏ quyết định công nhận, giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ hành nghề trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định;

đ) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện kiểm dịch nội địa về thực vật trên địa bàn tỉnh theo quy định;

e) Tổ chức thực hiện công tác thu thập, lưu trữ, bảo tồn, khai thác nguồn gen giống cây trồng; thực hiện quản lý nhà nước về giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và các vật tư khác phục vụ sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật;

g) Quản lý và sử dụng dự trữ địa phương về giống cây trồng, thuốc bảo vệ thực vật và các vật tư hàng hóa thuộc lĩnh vực trồng trọt trên địa bàn tỉnh sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

h) Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức xây dựng mô hình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP), hữu cơ... trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

4. Về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số

a) Tổ chức thu nhận, xây dựng, vận hành, cập nhật và sử dụng thường xuyên cơ sở dữ liệu lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật; tích hợp, đồng bộ, chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật; kết nối, cung cấp, chia sẻ sử dụng dữ liệu, dữ liệu mở về lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật theo quy định;

b) Xây dựng, quản trị, vận hành hạ tầng số, nền tảng số, ứng dụng số, các cơ sở dữ liệu/hệ thống thông tin về lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý;

c) Thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý; kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định;

d) Thực hiện bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ an ninh mạng, bảo mật dữ liệu theo quy định; phòng, chống phần mềm độc hại; phòng, chống tấn công mạng thuộc phạm vi quản lý;

đ) Tổ chức phân tích, xử lý dữ liệu, thông tin, tổng hợp số liệu thống kê về phòng, chống thiên tai phục vụ công tác quản lý nhà nước, chuyên môn nghiệp vụ, phát triển kinh tế - xã hội thuộc phạm vi quản lý;

e) Tham gia phát triển Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh theo phân công; triển khai truy xuất nguồn gốc, nông nghiệp thông minh, nông thôn số, nông dân số; hướng dẫn, tập huấn chuyển đổi số, kỹ năng số thuộc phạm vi quản lý;

g) Quản lý, bảo quản tài liệu, tư liệu; cung cấp thông tin, dữ liệu về phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

5. Tham mưu, giúp Giám đốc Sở thực hiện nhiệm vụ quản lý đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình chuyên ngành trồng trọt, bảo vệ thực vật; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư việc thực hiện các dự án và xây dựng mô hình phát triển về trồng trọt, bảo vệ thực vật; chịu trách nhiệm thực hiện các chương trình, dự án được giao.

6. Tham mưu Giám đốc Sở thực hiện nhiệm vụ cơ quan thường trực, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thường trực về công tác phòng, chống dịch bệnh hại cây trồng trên địa bàn tỉnh và nhiệm vụ thường trực công tác khác theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định của pháp luật.

7. Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về giám định, đăng ký, cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận, xác nhận, quyết định công nhận, chứng chỉ hành nghề về lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật theo quy định của pháp luật, phân công, ủy quyền của cấp có thẩm quyền; tham mưu, giúp Giám đốc Sở trình Ủy

ban nhân dân tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc phân cấp thẩm quyền, ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường với Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thuộc lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật.

8. Tham mưu, hướng dẫn quản lý hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật thuộc phạm vi quản lý của Sở; tham mưu, thực hiện và chịu trách nhiệm về các dịch vụ công thuộc lĩnh vực Chi cục được giao quản lý.

9. Tham mưu Giám đốc Sở giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, các hội và các tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật theo quy định của pháp luật.

10. Tham mưu thực hiện hợp tác quốc tế về lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật theo quy định của pháp luật.

11. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật đối với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

12. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ, đổi mới sáng tạo vào sản xuất lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh; tham mưu, giúp Giám đốc Sở trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật theo quy định của pháp luật.

13. Kiểm tra các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về trồng trọt, bảo vệ thực vật; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

14. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, ngạch công chức và xếp ngạch công chức, vị trí việc làm; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và phân cấp hoặc ủy quyền của Giám đốc Sở.

15. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của cấp có thẩm quyền.

16. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định.

17. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác do Giám đốc Sở giao và theo phân cấp, ủy quyền, phân định thẩm quyền của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Chi cục, gồm: Chi cục trưởng và 02 Phó Chi cục trưởng.

2. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc chi cục:

a) Phòng Hành chính - Tổng hợp.

b) Phòng Trồng trọt.

c) Phòng Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật.

3. Các Trạm Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật khu vực thuộc Chi cục:

a) Trạm Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật khu vực I.

b) Trạm Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật khu vực II.

c) Trạm Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật khu vực III.

d) Trạm Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật khu vực IV.

đ) Trạm Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật khu vực V.

e) Trạm Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật khu vực VI.

g) Trạm Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật khu vực VII.

h) Trạm Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật khu vực VIII.

Các Trạm Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật khu vực có trụ sở làm việc, có con dấu riêng và chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp, toàn diện của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 8 năm 2025.

2. Bãi bỏ Quyết định số 35/2025/QĐ-UBND ngày 19/5/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hà Giang.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Nội vụ, Tư pháp; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Phan Huy Ngọc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 69/2025/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 12 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và
cơ cấu tổ chức của Ban quản lý rừng đặc dụng Bát Đại Sơn
thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 16/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 01/2019/NĐ-CP của Chính phủ về Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng;

Căn cứ Nghị định số 159/2024/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 19/2025/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và

Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý rừng đặc dụng Bát Đại Sơn thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý rừng đặc dụng Bát Đại Sơn thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang; Ban Quản lý rừng đặc dụng Bát Đại Sơn; các phòng thuộc Ban Quản lý rừng đặc dụng Bát Đại Sơn thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Vị trí, chức năng

1. Ban Quản lý rừng đặc dụng Bát Đại Sơn là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang, có chức năng quản lý, bảo vệ rừng, phát triển rừng, sử dụng rừng, được cung ứng dịch vụ môi trường rừng và hưởng lợi từ dịch vụ môi trường rừng trên diện tích rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất được giao quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Ban Quản lý rừng đặc dụng Bát Đại Sơn có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước và ngân hàng để hoạt động theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý toàn diện, trực tiếp của Sở Nông nghiệp và Môi trường đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của

các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường và trước pháp luật về diện tích rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất được giao quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Xây dựng Kế hoạch hằng năm, 05 năm và dài hạn, các chương trình, đề án, dự án theo quy định về quản lý, bảo vệ, bảo tồn, phát triển và sử dụng rừng đặc dụng, rừng phòng hộ được giao trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện các kế hoạch, chương trình, đề án sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ rừng theo Luật Lâm nghiệp, các quy định về quản lý, bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất được giao và các quy định của pháp luật có liên quan; thực hiện nhiệm vụ về quản lý, bảo vệ, bảo tồn, phát triển rừng và khôi phục hệ sinh thái tự nhiên, sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên, quản lý hoạt động dịch vụ trong Khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ.

4. Thực hiện quy định về theo dõi diễn biến rừng; trả lại rừng khi Nhà nước thu hồi theo quy định của Luật Lâm nghiệp; bảo tồn đa dạng sinh học rừng, thực vật rừng, động vật rừng; phòng cháy, chữa cháy rừng; phòng trừ sinh vật gây hại rừng; chấp hành sự quản lý, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm của cơ quan có thẩm quyền; thực hiện nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Được khai thác lâm sản trong rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất được giao; được hưởng chính sách đầu tư bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất theo quy định của pháp luật.

6. Lập và trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững và thực hiện phương án đã được phê duyệt.

7. Hỗ trợ cộng đồng dân cư trong vùng đệm ổn định đời sống, phát triển kinh tế - xã hội theo quy định.

8. Khoán bảo vệ và phát triển rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư

tại chỗ theo quy định của Chính phủ. Trực tiếp quản lý, chỉ đạo hoạt động đối với Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng. Tổ chức xây dựng Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng có đủ năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Phối hợp với Kiểm lâm và các lực lượng khác trên địa bàn để bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng. Bảo đảm kinh phí hoạt động, lương và các chế độ khác, phương tiện, thiết bị làm việc, công cụ hỗ trợ, đồng phục, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng theo quy định.

9. Hằng năm, phối hợp với Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh, Chi cục Kiểm lâm xây dựng bản đồ chi trả dịch vụ môi trường rừng trên cơ sở chồng xếp bản đồ kết quả kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng của chủ rừng với bản đồ lưu vực nơi cung ứng dịch vụ môi trường rừng; xác định diện tích rừng được chi trả dịch vụ môi trường rừng. Thực hiện ký và thực hiện hợp đồng chi trả dịch vụ môi trường rừng. Quản lý và sử dụng tiền chi trả môi trường rừng theo quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp và các văn bản pháp luật hiện hành.

10. Phối hợp với chính quyền địa phương sở tại và các ngành chức năng có liên quan thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, phòng trừ sâu bệnh hại rừng, ngăn chặn các hành vi gây thiệt hại đến tài nguyên rừng. Phổ biến, tuyên truyền vận động nhân dân tham gia bảo vệ rừng.

11. Được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng rừng. Được hưởng lâm sản tăng thêm từ rừng do tự đầu tư vào rừng tự nhiên, rừng trồng là rừng đặc dụng. Được hướng dẫn về kỹ thuật và hỗ trợ khác theo quy định để bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học rừng. Được hưởng lợi từ công trình hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng do Nhà nước đầu tư.

12. Được Nhà nước bồi thường giá trị rừng, tài sản do chủ rừng đầu tư, xây dựng hợp pháp tại thời điểm quyết định thu hồi rừng. Được hợp tác, liên kết với tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài để bảo vệ và phát triển rừng.

13. Được hưởng chính sách đầu tư bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ, đặc

dụng. Được cho thuê môi trường rừng; hợp tác, liên kết kinh doanh du lịch sinh thái; nghỉ dưỡng, giải trí của rừng đặc dụng theo đề án du lịch sinh thái được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; được tiến hành hoạt động khoa học và công nghệ, giảng dạy, thực tập, hợp tác quốc tế theo quy định của pháp luật.

14. Chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ tư liệu theo lĩnh vực được phân công, quản lý.

15. Quản lý về tổ chức bộ máy, số lượng người làm việc, vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; quản lý, sử dụng và thực hiện chế độ, chính sách đối với viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

16. Được sử dụng công cụ hỗ trợ, đồng phục, phương tiện, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

17. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật.

18. Được tổ chức lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng nơi không thành lập Kiểm lâm.

19. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định về lĩnh vực công tác được giao.

20. Thực hiện các nhiệm vụ khác được Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Ban gồm: Giám đốc và không quá 02 Phó Giám đốc.

2. Các Phòng thuộc Ban:

a) Phòng Hành chính - Tổng hợp.

b) Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 8 năm 2025.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và

Môi trường, Nội vụ, Tài chính; Giám đốc Ban quản lý rừng đặc dụng Bát Đại Sơn;
Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định
này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Phan Huy Ngọc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 70/2025/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 12 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của
Ban Quản lý rừng đặc dụng Du Già thuộc Sở Nông nghiệp
và Môi trường tỉnh Tuyên Quang**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 16/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 01/2019/NĐ-CP của Chính phủ về Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng;

Căn cứ Nghị định số 159/2024/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 19/2025/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về

Nông nghiệp và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý rừng đặc dụng Du Già thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý rừng đặc dụng Du Già thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang; Ban Quản lý rừng đặc dụng Du Già; các phòng thuộc Ban Quản lý rừng đặc dụng Du Già thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Vị trí, chức năng

1. Ban quản lý rừng đặc dụng Du Già là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang, có chức năng quản lý, bảo vệ rừng, phát triển rừng, sử dụng rừng, được cung ứng dịch vụ môi trường rừng và hưởng lợi từ dịch vụ môi trường rừng trên diện tích rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất được giao quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Ban quản lý rừng đặc dụng Du Già có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước và ngân hàng để hoạt động theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý toàn diện, trực tiếp của Sở Nông nghiệp và Môi trường đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường và trước pháp luật về diện tích rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất được giao quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Xây dựng Kế hoạch hằng năm, 05 năm và dài hạn, các chương trình, đề án, dự án theo quy định về quản lý, bảo vệ, bảo tồn, phát triển và sử dụng rừng đặc dụng, rừng phòng hộ được giao trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện các kế hoạch, chương trình, đề án sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ rừng theo Luật Lâm nghiệp, các quy định về quản lý, bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất được giao và các quy định của pháp luật có liên quan; thực hiện nhiệm vụ về quản lý, bảo vệ, bảo tồn, phát triển rừng và khôi phục hệ sinh thái tự nhiên, sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên quản lý hoạt động dịch vụ trong Khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ.

4. Thực hiện quy định về theo dõi diễn biến rừng; trả lại rừng khi Nhà nước thu hồi theo quy định của Luật Lâm nghiệp; Bảo tồn đa dạng sinh học rừng, thực vật rừng, động vật rừng; Phòng cháy, chữa cháy rừng; phòng trừ sinh vật gây hại rừng; chấp hành sự quản lý, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm của cơ quan có thẩm quyền; thực hiện nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Được khai thác lâm sản trong rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất được giao; được hưởng chính sách đầu tư bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất theo quy định của pháp luật.

6. Lập và trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững và thực hiện phương án đã được phê duyệt.

7. Hỗ trợ cộng đồng dân cư trong vùng đệm ổn định đời sống, phát triển kinh tế - xã hội theo quy định.

8. Khoán bảo vệ và phát triển rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tại chỗ theo quy định của Chính phủ. Trực tiếp quản lý, chỉ đạo hoạt động đối với Lực

lượng chuyên trách bảo vệ rừng. Tổ chức xây dựng lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng có đủ năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Phối hợp với Kiểm lâm và các lực lượng khác trên địa bàn để bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng. Bảo đảm kinh phí hoạt động, lương và các chế độ khác, phương tiện, thiết bị làm việc, công cụ hỗ trợ, đồng phục, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng theo quy định.

9. Hằng năm, phối hợp với Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh, Chi cục Kiểm lâm xây dựng bản đồ chi trả dịch vụ môi trường rừng trên cơ sở chồng xếp bản đồ kết quả kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng của chủ rừng với bản đồ lưu vực nơi cung ứng dịch vụ môi trường rừng; xác định diện tích rừng được chi trả dịch vụ môi trường rừng. Thực hiện ký và thực hiện hợp đồng chi trả dịch vụ môi trường rừng. Quản lý và sử dụng tiền chi trả môi trường rừng theo quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp và các văn bản pháp luật hiện hành.

10. Phối hợp với chính quyền địa phương sở tại và các ngành chức năng có liên quan thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, phòng trừ sâu bệnh hại rừng, ngăn chặn các hành vi gây thiệt hại đến tài nguyên rừng. Phổ biến, tuyên truyền vận động nhân dân tham gia bảo vệ rừng.

11. Được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng rừng. Được hưởng lâm sản tăng thêm từ rừng do tự đầu tư vào rừng tự nhiên, rừng trồng là rừng đặc dụng. Được hướng dẫn về kỹ thuật và hỗ trợ khác theo quy định để bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học rừng. Được hưởng lợi từ công trình hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng do Nhà nước đầu tư.

12. Được Nhà nước bồi thường giá trị rừng, tài sản do chủ rừng đầu tư, xây dựng hợp pháp tại thời điểm quyết định thu hồi rừng. Được hợp tác, liên kết với tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài để bảo vệ và phát triển rừng.

13. Được hưởng chính sách đầu tư bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ, đặc dụng. Được cho thuê môi trường rừng; hợp tác, liên kết kinh doanh du lịch sinh thái;

nghi dưỡng, giải trí của rừng đặc dụng theo đề án du lịch sinh thái được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; được tiến hành hoạt động khoa học và công nghệ, giảng dạy, thực tập, hợp tác quốc tế theo quy định của pháp luật.

14. Chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ tư liệu theo lĩnh vực được phân công, quản lý.

15. Quản lý về tổ chức bộ máy, số lượng người làm việc, vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; quản lý, sử dụng và thực hiện chế độ, chính sách đối với viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

16. Được sử dụng công cụ hỗ trợ, đồng phục, phương tiện, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

17. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật.

18. Được tổ chức lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng nơi không thành lập Kiểm lâm.

19. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định về lĩnh vực công tác được giao.

20. Thực hiện các nhiệm vụ khác được Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Ban, gồm: Giám đốc và không quá 02 Phó Giám đốc.

2. Các phòng thuộc Ban:

a) Phòng Hành chính - Tổng hợp;

b) Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 8 năm 2025.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và

Môi trường, Nội vụ; Giám đốc Ban Quản lý rừng đặc dụng Du Già; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Phan Huy Ngọc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 71/2025/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 12 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của
Ban quản lý rừng đặc dụng Nà Hang thuộc Sở Nông nghiệp
và Môi trường tỉnh Tuyên Quang**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 16/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 01/2019/NĐ-CP của Chính phủ về Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng;

Căn cứ Nghị định số 159/2024/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 19/2025/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về

Nông nghiệp và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý rừng đặc dụng Nà Hang thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý rừng đặc dụng Nà Hang thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang; Ban Quản lý rừng đặc dụng Nà Hang thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Vị trí, chức năng

1. Ban Quản lý rừng đặc dụng Nà Hang là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang, có chức năng quản lý, bảo vệ rừng, phát triển rừng, sử dụng rừng, được cung ứng dịch vụ môi trường rừng và hưởng lợi từ dịch vụ môi trường rừng trên diện tích rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất được giao quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Ban Quản lý rừng đặc dụng Nà Hang có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước và ngân hàng để hoạt động theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý toàn diện, trực tiếp của Sở Nông nghiệp và Môi trường đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường và trước pháp luật về diện tích rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất được giao quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Xây dựng Kế hoạch hằng năm, 05 năm và dài hạn, các chương trình, đề án, dự án theo quy định về quản lý, bảo vệ, bảo tồn, phát triển và sử dụng rừng đặc dụng, rừng phòng hộ được giao trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện các kế hoạch, chương trình, đề án sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ rừng theo Luật Lâm nghiệp, các quy định về quản lý, bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất được giao và các quy định của pháp luật có liên quan; thực hiện nhiệm vụ về quản lý, bảo vệ, bảo tồn, phát triển rừng và khôi phục hệ sinh thái tự nhiên, sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên, quản lý hoạt động dịch vụ trong Khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ.

4. Thực hiện quy định về theo dõi diễn biến rừng; trả lại rừng khi Nhà nước thu hồi theo quy định của Luật Lâm nghiệp; Bảo tồn đa dạng sinh học rừng, thực vật rừng, động vật rừng; Phòng cháy, chữa cháy rừng; phòng trừ sinh vật gây hại rừng; chấp hành sự quản lý, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm của cơ quan có thẩm quyền; thực hiện nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Được khai thác lâm sản trong rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất được giao; được hưởng chính sách đầu tư bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất theo quy định của pháp luật.

6. Lập và trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững và thực hiện phương án đã được phê duyệt.

7. Hỗ trợ cộng đồng dân cư trong vùng đệm ổn định đời sống, phát triển kinh tế - xã hội theo quy định.

8. Khoán bảo vệ và phát triển rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tại chỗ theo quy định của Chính phủ. Trực tiếp quản lý, chỉ đạo hoạt động đối với Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng. Tổ chức xây dựng Lực lượng chuyên trách bảo vệ

rừng có đủ năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Phối hợp với Kiểm lâm và các lực lượng khác trên địa bàn để bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng. Bảo đảm kinh phí hoạt động, lương và các chế độ khác, phương tiện, thiết bị làm việc, công cụ hỗ trợ, đồng phục, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng theo quy định.

9. Hằng năm, phối hợp với Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh, Chi cục Kiểm lâm xây dựng bản đồ chi trả dịch vụ môi trường rừng trên cơ sở chồng xếp bản đồ kết quả kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng của chủ rừng với bản đồ lưu vực nơi cung ứng dịch vụ môi trường rừng; xác định diện tích rừng được chi trả dịch vụ môi trường rừng. Thực hiện ký và thực hiện hợp đồng chi trả dịch vụ môi trường rừng. Quản lý và sử dụng tiền chi trả môi trường rừng theo quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp và các văn bản pháp luật hiện hành.

10. Phối hợp với chính quyền địa phương sở tại và các ngành chức năng có liên quan thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, phòng trừ sâu bệnh hại rừng, ngăn chặn các hành vi gây thiệt hại đến tài nguyên rừng. Phổ biến, tuyên truyền vận động nhân dân tham gia bảo vệ rừng.

11. Được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng rừng. Được hưởng lâm sản tăng thêm từ rừng do tự đầu tư vào rừng tự nhiên, rừng trồng là rừng đặc dụng. Được hướng dẫn về kỹ thuật và hỗ trợ khác theo quy định để bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học rừng. Được hưởng lợi từ công trình hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng do Nhà nước đầu tư.

12. Được Nhà nước bồi thường giá trị rừng, tài sản do chủ rừng đầu tư, xây dựng hợp pháp tại thời điểm quyết định thu hồi rừng. Được hợp tác, liên kết với tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài để bảo vệ và phát triển rừng.

13. Được hưởng chính sách đầu tư bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ, đặc dụng. Được cho thuê môi trường rừng; hợp tác, liên kết kinh doanh du lịch sinh thái; nghỉ dưỡng, giải trí của rừng đặc dụng theo đề án du lịch sinh thái được cơ quan nhà

nước có thẩm quyền phê duyệt; được tiến hành hoạt động khoa học và công nghệ, giảng dạy, thực tập, hợp tác quốc tế theo quy định của pháp luật.

14. Chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ tư liệu theo lĩnh vực được phân công, quản lý.

15. Quản lý về tổ chức bộ máy, số lượng người làm việc, vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; quản lý, sử dụng và thực hiện chế độ, chính sách đối với viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

16. Được sử dụng công cụ hỗ trợ, đồng phục, phương tiện, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

17. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật.

18. Được tổ chức lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng nơi không thành lập Kiểm lâm.

19. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định về lĩnh vực công tác được giao.

20. Thực hiện các nhiệm vụ khác được Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyền Quang giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức

Lãnh đạo Ban gồm: Giám đốc và 01 Phó Giám đốc, viên chức, hợp đồng lao động (nếu có).

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 8 năm 2025.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Nội vụ; Giám đốc Ban quản lý rừng đặc dụng Nà Hang; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Phan Huy NGỌC

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYỀN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 72/2025/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 12 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý rừng đặc dụng Phong Quang
thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 16/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 01/2019/NĐ-CP của Chính phủ về Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng;

Căn cứ Nghị định số 159/2024/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 19/2025/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và

Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban an Quản lý rừng đặc dụng Phong Quang thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý rừng đặc dụng Phong Quang thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang; Ban Quản lý rừng đặc dụng Phong Quang; các phòng thuộc Ban Quản lý rừng đặc dụng Phong Quang thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Vị trí, chức năng

1. Ban Quản lý rừng đặc dụng Phong Quang (sau đây gọi tắt là Ban) là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang, có chức năng quản lý, bảo vệ rừng, phát triển rừng, sử dụng rừng, được cung ứng dịch vụ môi trường rừng và hưởng lợi từ dịch vụ môi trường rừng trên diện tích rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất được giao quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Ban Quản lý rừng đặc dụng Phong Quang có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước và ngân hàng để hoạt động theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý toàn diện, trực tiếp của Sở Nông nghiệp và Môi trường đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của

các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường và trước pháp luật về diện tích rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất được giao quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Xây dựng Kế hoạch hằng năm, 05 năm và dài hạn, các chương trình, đề án, dự án theo quy định về quản lý, bảo vệ, bảo tồn, phát triển và sử dụng rừng đặc dụng, rừng phòng hộ được giao trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện các kế hoạch, chương trình, đề án sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ rừng theo Luật Lâm nghiệp, các quy định về quản lý, bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất được giao và các quy định của pháp luật có liên quan; thực hiện nhiệm vụ về quản lý, bảo vệ, bảo tồn, phát triển rừng và khôi phục hệ sinh thái tự nhiên, sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên, quản lý hoạt động dịch vụ trong Khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ.

4. Thực hiện quy định về theo dõi diễn biến rừng; trả lại rừng khi Nhà nước thu hồi theo quy định của Luật Lâm nghiệp; bảo tồn đa dạng sinh học rừng, thực vật rừng, động vật rừng; phòng cháy, chữa cháy rừng; phòng trừ sinh vật gây hại rừng; chấp hành sự quản lý, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm của cơ quan có thẩm quyền; thực hiện nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

5. Được khai thác lâm sản trong rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất được giao; được hưởng chính sách đầu tư bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất theo quy định của pháp luật.

6. Lập và trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững và thực hiện phương án đã được phê duyệt.

7. Hỗ trợ cộng đồng dân cư trong vùng đệm ổn định đời sống, phát triển kinh tế - xã hội theo quy định.

8. Khoán bảo vệ và phát triển rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư

tại chỗ theo quy định của Chính phủ. Trực tiếp quản lý, chỉ đạo hoạt động đối với Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng. Tổ chức xây dựng Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng có đủ năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Phối hợp với Kiểm lâm và các lực lượng khác trên địa bàn để bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng. Bảo đảm kinh phí hoạt động, lương và các chế độ khác, phương tiện, thiết bị làm việc, công cụ hỗ trợ, đồng phục, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng theo quy định.

9. Hằng năm, phối hợp với Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh, Chi cục Kiểm lâm xây dựng bản đồ chi trả dịch vụ môi trường rừng trên cơ sở chồng xếp bản đồ kết quả kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng của chủ rừng với bản đồ lưu vực nơi cung ứng dịch vụ môi trường rừng; xác định diện tích rừng được chi trả dịch vụ môi trường rừng. Thực hiện ký và thực hiện hợp đồng chi trả dịch vụ môi trường rừng. Quản lý và sử dụng tiền chi trả môi trường rừng theo quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp và các văn bản pháp luật hiện hành.

10. Phối hợp với chính quyền địa phương sở tại và các ngành chức năng có liên quan thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, phòng trừ sâu bệnh hại rừng, ngăn chặn các hành vi gây thiệt hại đến tài nguyên rừng. Phổ biến, tuyên truyền vận động nhân dân tham gia bảo vệ rừng.

11. Được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng rừng. Được hưởng lâm sản tăng thêm từ rừng do tự đầu tư vào rừng tự nhiên, rừng trồng là rừng đặc dụng. Được hướng dẫn về kỹ thuật và hỗ trợ khác theo quy định để bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học rừng. Được hưởng lợi từ công trình hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng do Nhà nước đầu tư.

12. Được Nhà nước bồi thường giá trị rừng, tài sản do chủ rừng đầu tư, xây dựng hợp pháp tại thời điểm quyết định thu hồi rừng. Được hợp tác, liên kết với tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài để bảo vệ và phát triển rừng.

13. Được hưởng chính sách đầu tư bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ, đặc

dụng. Được cho thuê môi trường rừng; hợp tác, liên kết kinh doanh du lịch sinh thái; nghỉ dưỡng, giải trí của rừng đặc dụng theo đề án du lịch sinh thái được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; được tiến hành hoạt động khoa học và công nghệ, giảng dạy, thực tập, hợp tác quốc tế theo quy định của pháp luật.

14. Chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ tư liệu theo lĩnh vực được phân công, quản lý.

15. Quản lý về tổ chức bộ máy, số lượng người làm việc, vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; quản lý, sử dụng và thực hiện chế độ, chính sách đối với viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

16. Được sử dụng công cụ hỗ trợ, đồng phục, phương tiện, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

17. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật.

18. Được tổ chức lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng nơi không thành lập Kiểm lâm.

19. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định về lĩnh vực công tác được giao.

20. Thực hiện các nhiệm vụ khác được Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Ban gồm: Giám đốc và không quá 02 Phó Giám đốc.

2. Các Phòng thuộc Ban:

a) Phòng Hành chính - Tổng hợp;

b) Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 8 năm 2025.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và

Môi trường, Nội vụ, Tài chính; Giám đốc Ban quản lý rừng đặc dụng Phong Quang;
Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định
này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Phan Huy Ngọc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYỀN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 73/2025/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 12 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và
cơ cấu tổ chức của Ban quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh
thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 16/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 01/2019/NĐ-CP của Chính phủ về Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng;

Căn cứ Nghị định số 159/2024/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 19/2025/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về

Nông nghiệp và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyền Quang;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyền Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyền Quang.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyền Quang; Ban Quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh; các phòng thuộc Ban Quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyền Quang và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Vị trí, chức năng

1. Ban Quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyền Quang, có chức năng quản lý, bảo vệ rừng, phát triển rừng, sử dụng rừng, được cung ứng dịch vụ môi trường rừng và hưởng lợi từ dịch vụ môi trường rừng trên diện tích rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất được giao quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Ban Quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước và ngân hàng để hoạt động theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý toàn diện, trực tiếp của Sở Nông nghiệp và Môi trường đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường và trước pháp luật về diện tích rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất được giao quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Xây dựng Kế hoạch hằng năm, 05 năm và dài hạn, các chương trình, đề án, dự án theo quy định về quản lý, bảo vệ, bảo tồn, phát triển và sử dụng rừng đặc dụng, rừng phòng hộ được giao trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện các kế hoạch, chương trình, đề án sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ rừng theo Luật Lâm nghiệp, các quy định về quản lý, bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất được giao và các quy định của pháp luật có liên quan; thực hiện nhiệm vụ về quản lý, bảo vệ, bảo tồn, phát triển rừng và khôi phục hệ sinh thái tự nhiên, sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên, quản lý hoạt động dịch vụ trong Khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ.

4. Thực hiện quy định về theo dõi diễn biến rừng; trả lại rừng khi Nhà nước thu hồi theo quy định của Luật Lâm nghiệp; bảo tồn đa dạng sinh học rừng, thực vật rừng, động vật rừng; phòng cháy, chữa cháy rừng; phòng trừ sinh vật gây hại rừng; chấp hành sự quản lý, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm của cơ quan có thẩm quyền; thực hiện nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Được khai thác lâm sản trong rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất được giao; được hưởng chính sách đầu tư bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất theo quy định của pháp luật.

6. Lập và trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững và thực hiện phương án đã được phê duyệt.

7. Hỗ trợ cộng đồng dân cư trong vùng đệm ổn định đời sống, phát triển kinh tế - xã hội theo quy định.

8. Khoán bảo vệ và phát triển rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tại chỗ theo quy định của Chính phủ. Trực tiếp quản lý, chỉ đạo hoạt động đối với Lực

lượng chuyên trách bảo vệ rừng. Tổ chức xây dựng Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng có đủ năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Phối hợp với Kiểm lâm và các lực lượng khác trên địa bàn để bảo vệ rừng, PCCCR. Bảo đảm kinh phí hoạt động, lương và các chế độ khác, phương tiện, thiết bị làm việc, công cụ hỗ trợ, đồng phục, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng theo quy định.

9. Hằng năm, phối hợp với Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh, Chi cục Kiểm lâm xây dựng bản đồ chi trả dịch vụ môi trường rừng trên cơ sở chồng xếp bản đồ kết quả kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng của chủ rừng với bản đồ lưu vực nơi cung ứng dịch vụ môi trường rừng; xác định diện tích rừng được chi trả dịch vụ môi trường rừng. Thực hiện ký và thực hiện hợp đồng chi trả dịch vụ môi trường rừng. Quản lý và sử dụng tiền chi trả môi trường rừng theo quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp và các văn bản pháp luật hiện hành.

10. Phối hợp với chính quyền địa phương sở tại và các ngành chức năng có liên quan thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, phòng trừ sâu bệnh hại rừng, ngăn chặn các hành vi gây thiệt hại đến tài nguyên rừng. Phổ biến, tuyên truyền vận động nhân dân tham gia bảo vệ rừng.

11. Được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng rừng. Được hưởng lâm sản tăng thêm từ rừng do tự đầu tư vào rừng tự nhiên, rừng trồng là rừng đặc dụng. Được hướng dẫn về kỹ thuật và hỗ trợ khác theo quy định để bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học rừng. Được hưởng lợi từ công trình hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng do Nhà nước đầu tư.

12. Được Nhà nước bồi thường giá trị rừng, tài sản do chủ rừng đầu tư, xây dựng hợp pháp tại thời điểm quyết định thu hồi rừng. Được hợp tác, liên kết với tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài để bảo vệ và phát triển rừng.

13. Được hưởng chính sách đầu tư bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ, đặc dụng được cho thuê môi trường rừng; hợp tác, liên kết kinh doanh du lịch sinh thái;

nghi dưỡng, giải trí của rừng đặc dụng theo đề án du lịch sinh thái được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; được tiến hành hoạt động khoa học và công nghệ, giảng dạy, thực tập, hợp tác quốc tế theo quy định của pháp luật.

14. Chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ tư liệu theo lĩnh vực được phân công, quản lý.

15. Quản lý về tổ chức bộ máy, số lượng người làm việc, vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; quản lý, sử dụng và thực hiện chế độ, chính sách đối với viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

16. Được sử dụng công cụ hỗ trợ, đồng phục, phương tiện, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

17. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật.

18. Được tổ chức lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng nơi không thành lập Kiểm lâm.

19. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định về lĩnh vực công tác được giao.

20. Thực hiện các nhiệm vụ khác được Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Ban gồm: Giám đốc và không quá 02 Phó Giám đốc.

2. Các Phòng thuộc Ban:

a) Phòng Hành chính - Tổng hợp;

b) Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 8 năm 2025.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và

Môi trường, Nội vụ, Tài chính; Giám đốc Ban quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh;
Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định
này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Phan Huy Ngọc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYỀN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 74/2025/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 12 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và
cơ cấu tổ chức của Ban quản lý rừng đặc dụng Tân Trào - Cham Chu
thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 16/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 01/2019/NĐ-CP của Chính phủ về Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng;

Căn cứ Nghị định số 159/2024/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 19/2025/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về

Nông nghiệp và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyền Quang;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý rừng đặc dụng Tân Trào - Cham Chu thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyền Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý rừng đặc dụng Tân Trào - Cham Chu thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyền Quang.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyền Quang; Ban Quản lý rừng đặc dụng Tân Trào - Cham Chu thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyền Quang và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Vị trí, chức năng

1. Ban Quản lý rừng đặc dụng Tân Trào - Cham Chu là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyền Quang, có chức năng quản lý, bảo vệ rừng, phát triển rừng, sử dụng rừng, được cung ứng dịch vụ môi trường rừng và hưởng lợi từ dịch vụ môi trường rừng trên diện tích rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất được giao quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Ban Quản lý rừng đặc dụng Tân Trào - Cham Chu có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước và ngân hàng để hoạt động theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý toàn diện, trực tiếp của Sở Nông nghiệp và Môi trường đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường và trước pháp luật về diện tích rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất được giao quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Xây dựng Kế hoạch hàng năm, 05 năm và dài hạn, các chương trình, đề án, dự án theo quy định về quản lý, bảo vệ, bảo tồn, phát triển và sử dụng rừng đặc dụng, rừng phòng hộ được giao trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện các kế hoạch, chương trình, đề án sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ rừng theo Luật Lâm nghiệp, các quy định về quản lý, bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất được giao và các quy định của pháp luật có liên quan; thực hiện nhiệm vụ về quản lý, bảo vệ, bảo tồn, phát triển rừng và khôi phục hệ sinh thái tự nhiên, sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên, quản lý hoạt động dịch vụ trong Khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ.

4. Thực hiện quy định về theo dõi diễn biến rừng; trả lại rừng khi Nhà nước thu hồi theo quy định của Luật Lâm nghiệp; bảo tồn đa dạng sinh học rừng, thực vật rừng, động vật rừng; phòng cháy, chữa cháy rừng; phòng trừ sinh vật gây hại rừng; chấp hành sự quản lý, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm của cơ quan có thẩm quyền; thực hiện nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Được khai thác lâm sản trong rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất được giao; được hưởng chính sách đầu tư bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất theo quy định của pháp luật.

6. Lập và trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững và thực hiện phương án đã được phê duyệt.

7. Hỗ trợ cộng đồng dân cư trong vùng đệm ổn định đời sống, phát triển kinh tế - xã hội theo quy định.

8. Khoán bảo vệ và phát triển rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tại chỗ theo quy định của Chính phủ. Trực tiếp quản lý, chỉ đạo hoạt động đối với Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng. Tổ chức xây dựng Lực lượng chuyên trách bảo vệ

rừng có đủ năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Phối hợp với Kiểm lâm và các lực lượng khác trên địa bàn để bảo vệ rừng, PCCCR. Bảo đảm kinh phí hoạt động, lương và các chế độ khác, phương tiện, thiết bị làm việc, công cụ hỗ trợ, đồng phục, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng theo quy định.

9. Hằng năm, phối hợp với Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh, Chi cục Kiểm lâm xây dựng bản đồ chi trả dịch vụ môi trường rừng trên cơ sở chồng xếp bản đồ kết quả kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng của chủ rừng với bản đồ lưu vực nơi cung ứng dịch vụ môi trường rừng; xác định diện tích rừng được chi trả dịch vụ môi trường rừng. Thực hiện ký và thực hiện hợp đồng chi trả dịch vụ môi trường rừng. Quản lý và sử dụng tiền chi trả môi trường rừng theo quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp và các văn bản pháp luật hiện hành.

10. Phối hợp với chính quyền địa phương sở tại và các ngành chức năng có liên quan thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, phòng trừ sâu bệnh hại rừng, ngăn chặn các hành vi gây thiệt hại đến tài nguyên rừng. Phổ biến, tuyên truyền vận động nhân dân tham gia bảo vệ rừng.

11. Được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng rừng. Được hưởng lâm sản tăng thêm từ rừng do tự đầu tư vào rừng tự nhiên, rừng trồng là rừng đặc dụng. Được hướng dẫn về kỹ thuật và hỗ trợ khác theo quy định để bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học rừng. Được hưởng lợi từ công trình hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng do Nhà nước đầu tư.

12. Được Nhà nước bồi thường giá trị rừng, tài sản do chủ rừng đầu tư, xây dựng hợp pháp tại thời điểm quyết định thu hồi rừng. Được hợp tác, liên kết với tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài để bảo vệ và phát triển rừng.

13. Được hưởng chính sách đầu tư bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ, đặc dụng. Được cho thuê môi trường rừng; hợp tác, liên kết kinh doanh du lịch sinh thái; nghỉ dưỡng, giải trí của rừng đặc dụng theo đề án du lịch sinh thái được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; được tiến hành hoạt động khoa học và công nghệ,

giảng dạy, thực tập, hợp tác quốc tế theo quy định của pháp luật.

14. Chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ tư liệu theo lĩnh vực được phân công, quản lý.

15. Quản lý về tổ chức bộ máy, số lượng người làm việc, vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; quản lý, sử dụng và thực hiện chế độ, chính sách đối với viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

16. Được sử dụng công cụ hỗ trợ, đồng phục, phương tiện, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

17. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật.

18. Được tổ chức lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng nơi không thành lập Kiểm lâm.

19. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định về lĩnh vực công tác được giao.

20. Thực hiện các nhiệm vụ khác được Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức

Lãnh đạo Ban gồm: Giám đốc và 01 Phó Giám đốc, viên chức, hợp đồng lao động (nếu có).

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 8 năm 2025.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Nội vụ, Tài chính; Giám đốc Ban quản lý rừng đặc dụng Tân Trào - Cham Chu; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Phan Huy Ngọc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYỀN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 75/2025/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 12 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý rừng phòng hộ Lâm Bình
thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 16/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 01/2019/NĐ-CP của Chính phủ về Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng;

Căn cứ Nghị định số 159/2024/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 19/2025/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý rừng phòng hộ Lâm Bình thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý rừng phòng hộ Lâm Bình thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang; Ban Quản lý rừng phòng hộ Lâm Bình thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Vị trí, chức năng

1. Ban Quản lý rừng phòng hộ Lâm Bình là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang, có chức năng quản lý, bảo vệ rừng, phát triển rừng, sử dụng rừng, được cung ứng dịch vụ môi trường rừng và hưởng lợi từ dịch vụ môi trường rừng trên diện tích rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất được giao quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Ban Quản lý rừng phòng hộ Lâm Bình có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước và ngân hàng để hoạt động theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý toàn diện, trực tiếp của Sở Nông nghiệp

và Môi trường đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn

1. Thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ rừng theo Luật Lâm nghiệp; Quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng bền vững trên diện tích rừng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất được giao quản lý, được thuê theo quy chế quản lý rừng, quy định của pháp luật về lâm nghiệp, pháp luật về đất đai và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Thực hiện quy định về theo dõi diễn biến rừng; bảo tồn đa dạng sinh học rừng, thực vật rừng, động vật rừng; phòng cháy và chữa cháy rừng; phòng, trừ sinh vật gây hại rừng trên diện tích rừng được giao quản lý, được thuê.

3. Lập và trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững, đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và giải trí trong rừng và thực hiện phương án, đề án đã được phê duyệt theo quy định.

4. Khoán bảo vệ và phát triển rừng đối với diện tích được giao quản lý cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tại chỗ theo quy định của Luật Lâm nghiệp và các quy định của pháp luật liên quan.

5. Cho thuê môi trường rừng; cung ứng dịch vụ công và sản xuất kinh doanh ngành nghề thuộc lĩnh vực lâm nghiệp; tự tổ chức, hợp tác, liên kết hoặc cho tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng để hợp tác, liên kết kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí và nuôi, trồng phát triển cây dược liệu theo phương án quản lý rừng bền vững được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; khai thác lâm sản trong diện tích rừng được giao quản lý theo quy định của Luật Lâm nghiệp, Quy chế quản lý rừng và các quy định khác của pháp luật liên quan.

6. Được trang bị công cụ hỗ trợ, phương tiện, trang bị, thiết bị, công cụ, dụng cụ bảo vệ rừng; quan trắc, cảnh báo nguy cơ cháy rừng; xây dựng công trình phòng cháy và chữa cháy rừng; phòng, trừ sinh vật gây hại rừng.

7. Được thực hiện các quyền và hưởng chính sách đầu tư bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất theo quy định của Luật Lâm nghiệp và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

8. Quản lý về tổ chức bộ máy, số lượng người làm việc, vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; quản lý, sử dụng và thực hiện chế độ, chính sách đối với viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

9. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định.

10. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân công hoặc ủy quyền của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

11. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của Ban gồm: Giám đốc, không quá 02 Phó Giám đốc, viên chức, hợp đồng lao động (nếu có).

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 8 năm 2025.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Nội vụ, Tài chính; Giám đốc Ban quản lý rừng phòng hộ Lâm Bình; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Phan Huy Ngọc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYỀN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 76/2025/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 12 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Khuyến nông thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 19/2025/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Khuyến nông thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Khuyến nông thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang; Trung tâm Khuyến nông; các phòng chuyên môn, nghiệp vụ; các Trạm Khuyến nông khu vực thuộc Trung tâm Khuyến nông thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang và các cơ quan, tổ chức cá nhân có liên quan.

Điều 2. Vị trí, chức năng

1. Trung tâm Khuyến nông là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, có chức năng thực hiện các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn (*gọi chung là khuyến nông*) trên địa bàn tỉnh.

2. Trung tâm có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng, được mở tài khoản theo quy định của pháp luật. Trung tâm Khuyến nông chịu sự chỉ đạo, quản lý toàn diện, trực tiếp của Sở Nông nghiệp và Môi trường; đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Trung tâm Khuyến nông Quốc gia và của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Tham mưu với Giám đốc Sở về kế hoạch phát triển dài hạn, 05 năm và hàng năm, các chương trình, dự án về khuyến nông trên địa bàn tỉnh.

2. Xây dựng, trình Giám đốc Sở chương trình, kế hoạch, dự án khuyến nông trên địa bàn tỉnh và tổ chức thực hiện sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị đề xuất với Giám đốc Sở về chính sách, chiến lược, các văn bản quy phạm pháp luật về khuyến nông trên địa bàn tỉnh.

4. Ký hợp đồng khuyến nông với các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

5. Chủ trì thực hiện một số chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông theo phân công của Giám đốc Sở.

6. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện chương trình, dự án khuyến nông theo quy định của pháp luật.

7. Hướng dẫn về nội dung, phương pháp hoạt động khuyến nông cho các cơ quan, đơn vị tham gia hoạt động khuyến nông.

8. Chủ trì xây dựng chương trình, tài liệu hướng dẫn khuyến nông; tổ chức tập huấn kỹ thuật, nghiệp vụ cho cán bộ, cộng tác viên khuyến nông và nông dân.

9. Tổ chức hoạt động thông tin tuyên truyền về khuyến nông theo quy định của pháp luật.

10. Tổ chức và tham gia tổ chức các hội thi, hội thảo, hội chợ, triển lãm, diễn đàn, tham quan học tập, trao đổi kinh nghiệm về khuyến nông.

11. Tư vấn và cung cấp dịch vụ khuyến nông theo quy định của pháp luật.

12. Tham gia đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn trên địa bàn theo phân công của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường và quy định pháp luật.

13. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường trong công tác phòng, chống dịch bệnh, thiên tai trên địa bàn tỉnh.

14. Quản lý và sử dụng quỹ hoạt động khuyến nông (nếu có) theo quy định của pháp luật.

15. Thực hiện hợp tác quốc tế về khuyến nông theo quy định của pháp luật.

16. Quản lý về tổ chức bộ máy, số lượng người làm việc, vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; quản lý, sử dụng và thực hiện chế độ, chính sách đối với viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật, phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh và ủy quyền của Giám đốc Sở.

17. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và của Sở Nông nghiệp và Môi trường về các lĩnh vực công tác được giao.

18. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân công hoặc ủy quyền của Giám đốc Sở.

19. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Trung tâm gồm: Giám đốc, không quá 02 Phó Giám đốc.

2. Các phòng thuộc Trung tâm:

3. Phòng Hành chính - Tổng hợp.

a) Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật.

b) Phòng Thông tin - Đào tạo.

2. Các Trạm Khuyến nông khu vực thuộc Trung tâm:

a) Trạm Khuyến nông khu vực I.

b) Trạm Khuyến nông khu vực II.

c) Trạm Khuyến nông khu vực III.

d) Trạm Khuyến nông khu vực IV.

đ) Trạm Khuyến nông khu vực V.

e) Trạm Khuyến nông khu vực VI.

g) Trạm Khuyến nông khu vực VII.

h) Trạm Khuyến nông khu vực VIII.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 8 năm 2025.

2. Chánh Văn phòng ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Nội vụ, Tài chính; Giám đốc Trung tâm Khuyến nông; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Phan Huy Ngọc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYỀN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 77/2025/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 12 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Trung tâm Khoa học Nông nghiệp và Môi trường thuộc
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định phân định
thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của
Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định tổ chức các cơ
quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và
Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thành lập, tổ
chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Thông tư số 19/2025/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và
Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về
Nông nghiệp và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung
ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung
ương;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang;

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền
hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Khoa học Nông nghiệp và Môi trường thuộc Sở
Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Khoa học Nông nghiệp và Môi trường thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyền Quang.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyền Quang; Trung tâm Khoa học Nông nghiệp và Môi trường; các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Trung tâm Khoa học Nông nghiệp và Môi trường thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyền Quang và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Vị trí, chức năng

1. Trung tâm Khoa học Nông nghiệp và Môi trường là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyền Quang, thực hiện chức năng tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ, đổi mới sáng tạo vào sản xuất của ngành nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh; Bảo tồn, lưu giữ, bảo vệ các nguồn gen giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản; Chọn tạo, khảo, kiểm nghiệm giống cây trồng, vật nuôi và thủy sản; Cung ứng dịch vụ giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản; đào tạo nghề trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; Thực hiện các dịch vụ khoa học nông nghiệp và môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Trung tâm Khoa học Nông nghiệp và Môi trường có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước và ngân hàng để hoạt động theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý toàn diện, trực tiếp của Sở Nông nghiệp và Môi trường đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Tổ chức thu thập, chọn lọc, phục tráng, bảo tồn, nhân giống các loại cây trồng, vật nuôi, thủy sản, duy trì giống gốc các loại cây lương thực, cây ăn quả ôn đới, cây dược liệu, rau, hoa, giống vật nuôi có ưu thế trên địa bàn tỉnh; Chọn tạo giống cây

trồng, vật nuôi và thủy sản; Tổ chức khảo, kiểm nghiệm giống cây trồng, vật nuôi và thủy sản trên địa bàn tỉnh.

2. Tổ chức chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực sản xuất, cung ứng cây trồng, vật nuôi, thủy sản và vật tư chuyên dùng phục vụ sản xuất nông lâm nghiệp.

3. Phổ biến, tuyên truyền, tư vấn kỹ thuật; tập huấn, hướng dẫn thực hiện tiến bộ khoa học kỹ thuật trong công tác bảo tồn, phát triển cây trồng, vật nuôi, thủy sản cho các tổ chức, cá nhân.

4. Thực hiện liên doanh, liên kết, hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước về lĩnh vực cây trồng, vật nuôi, thủy sản theo quy định của pháp luật. Chủ trì chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc khảo nghiệm, bảo tồn, phát triển, chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ về cây trồng, giống vật nuôi, thủy sản cho tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

5. Tham gia xây dựng và tổ chức thực hiện các đề tài, đề án, dự án phát triển nông lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh; Quản lý dự phòng nguồn cây trồng, vật nuôi và thủy sản.

6. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ, đổi mới sáng tạo vào sản xuất của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh; trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở theo quy định của pháp luật.

7. Quản lý về tổ chức bộ máy, số lượng người làm việc, vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; quản lý, sử dụng và thực hiện chế độ, chính sách đối với viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật, phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh và ủy quyền của Giám đốc Sở.

8. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định về lĩnh vực công tác được giao.

9. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định

của pháp luật và phân công hoặc ủy quyền của Giám đốc Sở.

10. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Trung tâm, gồm: Giám đốc và không quá 02 Phó Giám đốc.

2. Các phòng thuộc Trung tâm:

a) Phòng Hành chính - Tổng hợp.

b) Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 8 năm 2025.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Nội vụ, Tài chính; Giám đốc Trung tâm Khoa học Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Phan Huy Ngọc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 78/2025/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 12 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của
Trung tâm Thủy sản thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 19/2025/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Thủy sản thuộc Sở Nông nghiệp và

Môi trường tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Thủy sản thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang; Trung tâm Thủy sản; các phòng, chuyên môn nghiệp vụ thuộc Trung tâm Thủy sản thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Vị trí, chức năng

1. Trung tâm Thủy sản là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường có chức năng nghiên cứu, thực nghiệm và ứng dụng các công nghệ về giống thủy sản; lưu giữ giống thủy sản đặc hữu ở địa phương, nhân các loài giống thuần cung cấp cho các cơ sở sản xuất giống; tham gia đào tạo kỹ thuật và chuyên gia công nghệ về giống thủy sản; sản xuất, dịch vụ con giống, thức ăn thủy sản, thuốc thú y thủy sản và các loại vật tư, máy móc, thiết bị chuyên dụng trong lĩnh vực thủy sản.

2. Trung tâm Thủy sản có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng, được mở tài khoản theo quy định của pháp luật. Trung tâm Thủy sản chịu sự chỉ đạo, quản lý toàn diện, trực tiếp của Sở Nông nghiệp và Môi trường; đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn

1. Xây dựng các kế hoạch dài hạn, ngắn hạn về giao khoán tư liệu sản xuất gắn với sản phẩm; nghiên cứu, sản xuất và chuyển giao khoa học kỹ thuật về giống thủy sản.

2. Tiếp nhận, ứng dụng công nghệ mới về sản xuất giống thủy sản; xây dựng

mô hình trình diễn về sản xuất giống, nuôi thương phẩm; tập huấn, chuyển giao công nghệ sản xuất giống thủy sản, nuôi thương phẩm. Nghiên cứu, ứng dụng thực nghiệm và chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong nuôi trồng, chế biến và tiêu thụ sản phẩm thủy sản.

3. Tiếp nhận và nuôi dưỡng giống thủy sản ông bà, giống mới để phát triển, chọn lọc giống thủy sản bố mẹ và hậu bị đạt tiêu chuẩn kỹ thuật của ngành, sạch bệnh từ đàn giống ông bà cung cấp cho các trại giống thủy sản trong khu vực, sản xuất ra con giống chất lượng tốt để nuôi thương phẩm; nhân các giống thuần, giống nhập mới, các loài cá bản địa có giá trị kinh tế cao để nhân ra sản xuất đại trà.

4. Quản lý chất lượng giống thủy sản theo tiêu chuẩn của ngành, tiêu chuẩn nội bộ; sưu tầm, lưu giữ giống gốc, giống thuần, di giống, thuần hóa giống, chọn tạo giống. Giữ gìn và phát triển quỹ gen các loài thủy sản.

5. Phối hợp với các trường, viện nghiên cứu để đào tạo, tập huấn, hướng dẫn cho công nhân kỹ thuật, Nhân dân và các thành phần kinh tế về nuôi trồng thủy sản.

6. Hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thực hiện chương trình nghiên cứu, thực nghiệm về giống thủy sản ở địa phương; thực hiện các đề tài, dự án khoa học công nghệ, nuôi khảo nghiệm một số giống mới, xây dựng mô hình nuôi trồng thủy sản có năng suất và hiệu quả kinh tế trên địa bàn nhằm tổng kết đánh giá và nhân ra diện rộng.

7. Ký hợp đồng khuyến ngư với các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

8. Tham gia đào tạo nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn về nuôi trồng thủy sản trên địa bàn theo sự phân công của Giám đốc Sở và quy định pháp luật

9. Sản xuất và làm dịch vụ chuyên ngành thủy sản: Cung cấp con giống thủy sản, cung cấp thức ăn thủy sản, thuốc thú y thủy sản, chế phẩm sinh học, men vi sinh, hóa chất, chất xử lý cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản và các vật tư máy móc, thiết bị chuyên dụng trong lĩnh vực thủy sản cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống thủy sản và các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình nuôi trồng thủy sản trong tỉnh và

ngoài tỉnh.

10. Quản lý về tổ chức bộ máy, số lượng người làm việc, vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; quản lý, sử dụng và thực hiện chế độ, chính sách đối với viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật, phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh và ủy quyền của Giám đốc Sở.

11. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định về lĩnh vực công tác được giao.

12. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân công hoặc ủy quyền của Giám đốc Sở.

13. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Trung tâm gồm: Giám đốc và 01 Phó Giám đốc.

2. Các phòng nghiệp vụ, gồm:

a) Phòng Hành chính - Kỹ thuật - Tổng hợp.

b) Phòng Sản xuất - Kinh doanh.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 8 năm 2025.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Nội vụ, Tài chính; Giám đốc Trung tâm Thủy sản; Người đứng đầu cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Phan Huy Ngọc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYỀN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 79/2025/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 12 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Trung tâm Điều tra, Quy hoạch - Thiết kế nông lâm nghiệp
thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14;

*Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định phân định
thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của
Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định tổ chức các cơ
quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và
Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thành lập, tổ
chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi
hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 91/2024/NĐ-CP của Chính phủ
sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11
năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;
Nghị định số 58/2024/NĐ-CP của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm
nghiệp;*

*Căn cứ Thông tư số 19/2025/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi
trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về Nông
nghiệp và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và
Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Điều tra, Quy hoạch - Thiết kế nông lâm nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Điều tra, Quy hoạch - Thiết kế nông lâm nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang; Trung tâm Điều tra, Quy hoạch - Thiết kế nông lâm nghiệp; các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Trung tâm Điều tra, Quy hoạch - Thiết kế nông lâm nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Vị trí, chức năng

1. Trung tâm Điều tra, Quy hoạch - Thiết kế nông lâm nghiệp là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, có chức năng thực hiện công tác điều tra, lập quy hoạch và thiết kế về nông lâm nghiệp, hạ tầng nông thôn.

2. Trung tâm Điều tra, Quy hoạch - Thiết kế nông lâm nghiệp có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng, được mở tài khoản theo quy định của pháp luật. Trung tâm Điều tra, Quy hoạch - Thiết kế nông lâm nghiệp chịu sự chỉ đạo, quản lý toàn diện, trực tiếp của Sở Nông nghiệp và Môi trường; đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn

1. Tổ chức điều tra, đánh giá, thu thập số liệu, tài liệu để lập cơ sở dữ liệu, bản đồ chuyên ngành, lưu trữ dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước, các chương

trình, dự án của ngành.

2. Đo đạc, lập quy hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn; lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai nông lâm nghiệp; quy hoạch và dự án đầu tư, phát triển nông lâm nghiệp, nông thôn; quy hoạch các vùng sản xuất hàng hoá nông lâm nghiệp tập trung, các dự án định canh, định cư, phát triển các vùng kinh tế mới, quy hoạch xây dựng nông thôn mới.

3. Tư vấn thực hiện xây dựng các công trình lâm sinh: Trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung; nuôi dưỡng rừng tự nhiên, làm giàu rừng tự nhiên; cải tạo rừng tự nhiên; nuôi dưỡng rừng trồng; xây dựng các hạng mục công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật cần thiết phục vụ bảo vệ và phát triển rừng; thiết kế khai thác rừng, trồng cây ăn quả, trồng cây phân tán; thiết kế vườn ươm, các công trình bảo vệ rừng, xây dựng các trang trại, khuôn viên, lục hoá đô thị, cơ quan, hạ tầng nông thôn. Lập hồ sơ giao rừng, giao đất, cho thuê rừng.

4. Tham gia nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ phục vụ phát triển nông lâm nghiệp và nông thôn miền núi; thực hiện các dự án nông lâm nghiệp được giao.

5. Dịch vụ giống cây nông lâm nghiệp: Sản xuất và cung ứng giống cây nông lâm nghiệp phục vụ trồng rừng, trồng cây phân tán, cây lục hóa đô thị và cơ quan.

6. Thực hiện các hoạt động tư vấn: Thiết kế, thẩm định thiết kế - dự toán, chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, giám sát thi công các công trình thuộc lĩnh vực nông lâm nghiệp; lập hồ sơ quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng; hồ sơ tín chỉ cacbon rừng.

7. Quản lý về tổ chức bộ máy, số lượng người làm việc, vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; quản lý, sử dụng và thực hiện chế độ, chính sách đối với viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật, phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh và ủy quyền của Giám đốc Sở.

8. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình

thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định về lĩnh vực công tác được giao.

9. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân công hoặc ủy quyền của Giám đốc Sở.

10. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Trung tâm, gồm: Giám đốc và 01 Phó giám đốc.

2. Các phòng thuộc Trung tâm:

a) Phòng Hành chính - Tổng hợp.

b) Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 8 năm 2025.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Nội vụ, Tài chính; Giám đốc Trung tâm Điều tra, Quy hoạch - Thiết kế nông lâm nghiệp; Người đứng đầu cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Phan Huy Ngọc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYỀN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 80/2025/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 12 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Ban Quản lý khai thác công trình thủy lợi Tuyên Quang
thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14, Luật số 59/2020/QH14, Luật số 72/2020/QH14, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 28/2023/QH15, Luật số 54/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 43/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và

Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 19/2025/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý khai thác công trình thủy lợi Tuyên Quang thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý khai thác công trình thủy lợi Tuyên Quang thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang; Ban Quản lý khai thác công trình thủy lợi Tuyên Quang; các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, các Đội thuộc Ban Quản lý khai thác công trình thủy lợi Tuyên Quang thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Vị trí, chức năng

1. Ban Quản lý khai thác công trình thủy lợi Tuyên Quang là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang, có chức năng quản lý, khai thác và bảo vệ đối với các công trình thủy lợi trên phạm vi toàn tỉnh được Ủy ban nhân dân tỉnh giao để phục vụ nhu cầu nước cho sản xuất nông nghiệp, dân sinh và các ngành kinh tế khác thuộc địa bàn được bàn giao quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Ban Quản lý khai thác công trình thủy lợi Tuyên Quang có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước và Ngân hàng để hoạt động theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý toàn diện, trực tiếp của Sở Nông nghiệp và Môi trường đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Quản lý nước

a) Thu thập thông tin dự báo khí tượng thủy văn; đo đạc, quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng trên lưu vực; quan trắc, dự báo, cảnh báo lũ, ngập lụt, úng, hạn hán, thiếu nước, số lượng, chất lượng nước; kiểm kê nguồn nước trong hệ thống công trình thủy lợi, phân tích nhu cầu sử dụng nước;

b) Lập và tổ chức thực hiện kế hoạch tích trữ, điều hòa, chuyển, phân phối, cấp, tưới, tiêu, thoát nước, sử dụng nước; kiểm soát chất lượng nước; thực hiện phương án ứng phó thiên tai;

c) Bảo vệ môi trường, chất lượng nước trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; kiểm tra, kiểm soát việc xả chất thải, nước thải vào công trình thủy lợi;

d) Lập, lưu trữ hồ sơ kỹ thuật về quản lý, phân phối nước trong hệ thống công trình thủy lợi.

2. Quản lý công trình

a) Đo đạc, quan trắc, giám sát, kiểm tra, kiểm định, đánh giá an toàn công trình thủy lợi;

b) Quản lý, tổ chức thực hiện bảo trì, đầu tư nâng cấp, xây dựng mới, hiện đại hóa, xử lý khắc phục sự cố công trình, máy móc, thiết bị; cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi;

c) Trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án ứng phó thiên tai và phương án bảo vệ công trình thủy lợi;

d) Lập, lưu trữ hồ sơ kỹ thuật về quản lý công trình thủy lợi.

3. Quản lý kinh tế

a) Tổ chức lập, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, áp dụng các định mức kinh tế - kỹ thuật phục vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi;

b) Tổ chức xây dựng và thực hiện kế hoạch cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi;

c) Ký kết, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng cung cấp, sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi;

d) Xây dựng mô hình tổ chức hợp lý để quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi và các nguồn lực được giao;

đ) Định kỳ đánh giá hiệu quả quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch khai thác tổng hợp, mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ để phát huy năng lực công trình thủy lợi;

e) Lập, lưu trữ hồ sơ về quản lý tài sản, tài chính.

4. Bảo vệ công trình thủy lợi

a) Thực hiện phương án bảo vệ công trình thủy lợi;

b) Thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình trạng diễn biến công trình;

c) Phát hiện, có biện pháp ngăn chặn kịp thời và kiến nghị xử lý hành vi vi phạm pháp luật trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi;

d) Giám sát việc thực hiện các nội dung trong giấy phép của tổ chức, cá nhân được cấp phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi;

đ) Trường hợp công trình xảy ra sự cố hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố phải thực hiện các biện pháp xử lý, đồng thời phải báo cáo Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh;

e) Quản lý vật tư dự trữ chuyên dùng phục vụ công tác phòng, chống thiên tai;

g) Vận động tổ chức, cá nhân tham gia bảo vệ công trình thủy lợi.

5. Nhận thực hiện giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi với cơ quan có thẩm quyền; ký hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng cung cấp, sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi với các tổ chức, đơn vị,

thôn, tổ, đội, cá nhân sản xuất trên cơ sở diện tích tưới, tiêu, cấp nước được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Kết thúc năm, trên cơ sở kết quả nghiệm thu sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo từng vụ, lập biên bản thanh lý hợp đồng, tổng hợp kết quả thực hiện, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định; căn cứ giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi được cấp có thẩm quyền ban hành, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quyết toán diện tích tưới, tiêu, cấp nước và nguồn kinh phí hỗ trợ theo quy định hiện hành.

6. Hàng năm tổ chức rà soát, tổng hợp diện tích tưới, tiêu, cấp nước đề nghị nhà nước hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, gửi Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận, trước khi gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt làm cơ sở để cơ quan có thẩm quyền thực hiện giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo quy định. Tổng hợp, quyết toán nguồn kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo quy định hiện hành.

7. Hướng dẫn kỹ thuật các Ban Quản lý công trình thủy lợi cơ sở trên địa bàn các xã, phường thực hiện nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình theo quy định; rà soát đối tượng, phạm vi diện tích tưới, tiêu, cấp nước đề nghị nhà nước hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; lập hồ sơ nạo vét, phát dọn và sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi; lập dự toán và quyết toán kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo quy định; ký hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý cung cấp, sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và tạm ứng, thanh toán kinh phí cho các Ban Quản lý công trình thủy lợi cơ sở theo quy định.

8. Tiếp nhận và tổ chức quản lý, sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo quy định hiện hành.

9. Hoạt động thủy lợi

a) Sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi theo quy định của Luật Thủy lợi và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

b) Tham gia ý kiến về hoạt động thủy lợi theo quy định của pháp luật;

c) Đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật;

d) Tham gia giám sát hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động thủy lợi;

đ) Tham gia chương trình thông tin, truyền thông, giáo dục nâng cao kiến thức pháp luật về thủy lợi;

e) Bảo vệ chất lượng nước trong công trình thủy lợi.

10. Khai thác công trình thủy lợi

a) Sử dụng nguồn lực được giao để mở rộng khả năng cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi theo quy định của pháp luật; được thu tiền từ việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi theo hợp đồng;

b) Tự chủ đối với phần lợi nhuận từ việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác sau khi thực hiện nghĩa vụ thuế với Nhà nước;

c) Xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi. Kế hoạch cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi phải lấy ý kiến và thông báo cho tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ;

d) Quản lý, sử dụng đất thuộc phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật;

đ) Vận hành công trình thủy lợi theo nhiệm vụ thiết kế và quy trình vận hành được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

e) Bảo vệ công trình thủy lợi; phòng, chống các hành vi xâm hại hoặc phá hoại công trình thủy lợi;

g) Khai thác nước trong công trình thủy lợi;

h) Kiến nghị Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có công trình thủy lợi thực hiện các biện pháp cần thiết để bảo vệ, bảo đảm an toàn công trình khi công trình bị xâm hại hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố;

i) Kiến nghị chủ sở hữu cấp kinh phí bảo trì, đầu tư nâng cấp, xây dựng mới, hiện đại hóa, xử lý khắc phục sự cố công trình thủy lợi theo quy định của Luật Thủy

lợi và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

k) Hướng dẫn, củng cố, phát triển tổ chức thủy lợi cơ sở; tổ chức để người sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi tham gia xây dựng kế hoạch quản lý, khai thác và phương án bảo vệ công trình;

l) Tham gia hỗ trợ người sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi chuyển dịch sang canh tác cây trồng có giá trị kinh tế cao, sử dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước;

m) Đơn phương dừng cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khi công trình không bảo đảm an toàn hoặc nguồn nước trong công trình không bảo đảm; người sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi không trả tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi, vi phạm các điều khoản khác của hợp đồng hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

n) Khiếu nại, khởi kiện và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

11. Trong trường hợp được cấp có thẩm quyền cho phép thì được sử dụng các nguồn lực được giao để tổ chức hoạt động kinh doanh bổ sung theo quy định của pháp luật, nhưng không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ chính được giao.

12. Được phép làm Chủ đầu tư, Quản lý dự án các dự án, công trình từ nguồn hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và các nguồn kinh phí hợp pháp khác khi được Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường giao, ủy quyền thực hiện; thực hiện khảo sát, lập dự án báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng, giám sát thi công công trình thủy lợi khi có đủ năng lực theo quy định của pháp luật.

13. Quản lý về tổ chức bộ máy, số lượng người làm việc, vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; quản lý, sử dụng và thực hiện chế độ, chính sách đối với viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật, phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh và ủy quyền của Giám đốc Sở.

14. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định về lĩnh vực công tác được giao.

15. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân công hoặc ủy quyền của Giám đốc Sở.

16. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Ban gồm: Giám đốc và không quá 03 Phó Giám đốc.

2. Các phòng thuộc Ban:

a) Phòng Hành chính - Kế toán.

b) Phòng Kế hoạch - Tổng hợp.

c) Phòng Kỹ thuật quản lý khai thác công trình thủy lợi.

3. Các Đội quản lý khai thác công trình thủy lợi khu vực thuộc Ban:

a) Đội quản lý khai thác công trình thủy lợi khu vực I.

b) Đội quản lý khai thác công trình thủy lợi khu vực II.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 8 năm 2025.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Nội vụ, Tài chính; Giám đốc Ban Quản lý khai thác các công trình thủy lợi và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Phan Huy Ngọc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 81/2025/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 12 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm
Nước sạch nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 19/2025/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Nước sạch nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Nước sạch nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang; Trung tâm Nước sạch nông thôn; các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Trung tâm Nước sạch nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Vị trí, chức năng

1. Trung tâm Nước sạch nông thôn là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, thực hiện chức năng nhiệm vụ quản lý khai thác vận hành công trình cấp nước sạch nông thôn, chủ đầu tư chương trình, dự án nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, kiểm nghiệm chất lượng nước phục vụ quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường; thực hiện các hoạt động dịch vụ về cấp nước sạch nông thôn và các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Trung tâm Nước sạch nông thôn có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước và Ngân hàng để hoạt động theo quy định của pháp luật; Trung tâm Nước sạch nông thôn chịu sự chỉ đạo, quản lý toàn diện, trực tiếp của Sở Nông nghiệp và Môi trường đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn

1. Xây dựng chương trình, kế hoạch, đề án, dự án, nhiệm vụ chuyên môn về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn, hàng năm, kế hoạch đầu tư xây dựng và chiến lược phát triển Trung tâm; phương thức quản lý, mô hình quản lý cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh, thông qua

Sở Nông nghiệp và Môi trường đề trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện.

2. Đề xuất xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, quy trình kỹ thuật, tài liệu hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về cấp nước sạch nông thôn thuộc phạm vi quản lý của Sở; tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

3. Thông tin, giáo dục, truyền thông, phát hành bản tin, trang thông tin điện tử, tập huấn, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ về cấp nước sạch nông thôn theo quy định của pháp luật.

4. Tham gia, thực hiện các nhiệm vụ về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn trong Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới; các chương trình, đề án, dự án khác theo phân công của Giám đốc Sở.

5. Tham gia phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai và hỗ trợ khẩn cấp về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn khi xảy ra hạn hán, thiếu nước, lũ, ngập lụt, úng.

6. Thực hiện sản xuất, cung cấp, tiêu thụ nước sạch nông thôn; quản lý, bảo vệ, sử dụng và vận hành, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung được giao đảm bảo duy trì hoạt động hiệu quả phục vụ cấp nước sinh hoạt theo thiết kế được duyệt.

7. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ đầu tư chương trình, dự án nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn được cấp có thẩm quyền giao theo quy định của pháp luật.

8. Giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thực hiện và quản lý các dự án đầu tư xây dựng thuộc lĩnh vực Ngành được cấp có thẩm quyền giao; Tổ chức tiếp nhận quản lý vật tư, thiết bị, tiền vốn được phân bổ theo các chương trình dự án.

9. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về việc thực hiện nhiệm vụ; kết quả thực hiện các chương trình, dự án về nước sạch nông thôn được

giao với cấp có thẩm quyền theo quy định.

10. Thu thập, xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu về nước sạch nông thôn phục vụ quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật.

11. Thực hiện các hoạt động dịch vụ công và dịch vụ tư vấn về cấp nước sạch nông thôn khi đáp ứng năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật:

a) Lập phương án phát triển mạng lưới cấp nước sạch nông thôn trong hệ thống quy hoạch của tỉnh, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành;

b) Điều tra cơ bản, quan trắc, giám sát, đánh giá hiện trạng, thu thập, tiếp nhận, xây dựng, quản lý, lưu trữ, khai thác, trao đổi thông tin, cơ sở dữ liệu, theo dõi, đánh giá, tổng hợp báo cáo và đề xuất phục vụ công tác quản lý khai thác, vận hành, bảo vệ công trình cấp nước sạch nông thôn. Khảo sát, đánh giá, phân tích chất lượng nước, dự báo chất lượng nước các công trình nước sạch nông thôn;

c) Xây dựng phương án giá nước sạch; điều tra, lập đề án, phương án phát triển mạng lưới cấp nước sạch nông thôn;

d) Khai thác, lập hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước (khai thác sử dụng nước mặt, nước dưới đất);

đ) Kiểm nghiệm, phân tích chất lượng nước và môi trường; chuyển giao công nghệ, cung ứng và lắp đặt vật tư, thiết bị;

e) Tư vấn đấu thầu, tư vấn thẩm tra, quản lý dự án; điều tra, khảo sát, lập dự án, thiết kế, giám sát; Tổ chức thi công cải tạo, nâng cấp, mở rộng, duy tu, bảo dưỡng, các công trình cấp nước sạch nông thôn và cung cấp, lắp đặt thiết bị khi có đủ điều kiện năng lực, chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ năng lực theo quy định.

12. Hợp tác, liên danh, liên kết thực hiện các hoạt động dịch vụ tư vấn và chuyển giao công nghệ trong nước và quốc tế về cấp nước sạch nông thôn và các dịch vụ khác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, năng lực của Trung tâm theo quy định của pháp luật.

13. Thực hiện cải cách hành chính theo chương trình, kế hoạch cải cách hành chính của Sở Nông nghiệp và Môi trường; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

phòng, chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý.

14. Quản lý về tổ chức bộ máy, số lượng người làm việc, vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; quản lý, sử dụng và thực hiện chế độ, chính sách đối với viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật, phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh và ủy quyền của Giám đốc Sở.

15. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định về lĩnh vực công tác được giao.

16. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân công hoặc ủy quyền của Giám đốc Sở.

17. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Trung tâm gồm: Giám đốc, không quá 02 Phó Giám đốc.

2. Các phòng chuyên môn nghiệp vụ

a) Phòng Hành chính - Tổng hợp;

b) Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật.

3. Ban Quản lý khai thác công trình cấp nước nông thôn.

Ban Quản lý khai thác công trình cấp nước nông thôn là bộ phận tự hạch toán, tự trang trải kinh phí hoạt động; có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản để giao dịch theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 8 năm 2025.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Trung tâm Nước sạch nông thôn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Phan Huy Ngọc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYỀN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 82/2025/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 12 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thuộc
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 19/2025/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyền Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyền Quang.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyền Quang; Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường; các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyền Quang và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Vị trí, chức năng

1. Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, có chức năng: Đo đạc và bản đồ; cung cấp các dịch vụ về tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, địa chất, môi trường, khí tượng thủy văn, viễn thám, biến đổi khí hậu; quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường; hồ sơ địa chính và tư vấn lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, phân hạng đất đai, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, xác định giá đất, thống kê, kiểm kê đất đai, điều tra, đánh giá đất đai phục vụ công tác quản lý nhà nước về tài nguyên môi trường; quan trắc, lấy mẫu, phân tích mẫu về môi trường và môi trường lao động, tư vấn, quản lý, xây dựng, lắp đặt thiết bị, vận hành các công trình xử lý: khí thải, nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và thực hiện các hoạt động tư vấn, dịch vụ sự nghiệp công về ứng dụng, chuyển giao công nghệ, kỹ thuật nông nghiệp và môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng, được mở tài khoản theo quy định của pháp luật. Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường chịu sự chỉ đạo toàn diện, trực tiếp của Sở Nông nghiệp và Môi trường; đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Khảo sát, lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán công trình đo đạc và bản đồ, nhiệm vụ viễn thám, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, địa giới hành chính, quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất.

2. Kiểm tra nghiệm thu chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc bản đồ cơ bản, chuyên đề thuộc các lĩnh vực của ngành Nông nghiệp và Môi trường; nhiệm vụ, sản phẩm viễn thám.

3. Đo vẽ, thành lập bản đồ địa hình, bản đồ địa chính các tỷ lệ; đo vẽ, thành lập bản đồ địa giới hành chính các cấp; xây dựng cơ sở dữ liệu đo đạc và bản đồ. Xây dựng lưới tọa độ và độ cao; đo vẽ lập mảnh trích đo địa chính phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai; đo vẽ lập bản vẽ tách thửa đất, hợp thửa đất thực hiện các quyền của người sử dụng đất.

4. Quản lý đầu tư xây dựng, vận hành các công trình xử lý nước sinh hoạt, các nguồn thải (*rắn, lỏng, khí, bụi*) thông thường và nguy hại do cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao nhiệm vụ hoặc trực tiếp đầu tư. Tư vấn thực hiện các hoạt động dịch vụ trong lĩnh vực môi trường: Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường chiến lược, báo cáo sơ bộ đánh giá tác động môi trường, báo cáo đánh giá tác động môi trường, báo cáo hiện trạng môi trường, giấy phép môi trường, đăng ký môi trường, báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm, công trình bảo vệ môi trường, báo cáo quan trắc môi trường, báo cáo công tác bảo vệ môi trường.

5. Tổ chức thực hiện các dịch vụ công, dịch vụ kỹ thuật về điều tra, khảo sát, quan trắc, phân tích, đánh giá và tư vấn trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;

điều tra, khảo sát, thăm dò, đánh giá địa chất, đánh giá trữ lượng, chất lượng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường khi được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

6. Tư vấn xây dựng các loại bản đồ hiện trạng sử dụng đất, thống kê, kiểm kê đất đai, các loại bản đồ chuyên đề về giao thông, thủy lợi; tư vấn xây dựng bản đồ hành chính cấp xã; xác định vị trí và cắm các loại mốc: Mốc địa giới hành chính, mốc quy hoạch xây dựng, mốc hành lang bảo vệ công trình, mốc giải phóng mặt bằng.

7. Tư vấn lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp; điều tra, đánh giá đất đai; phân hạng đất; điều tra về nông hóa, thổ nhưỡng. Tư vấn thực hiện đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, thiết kế phân lô đất ở, đất chuyên dùng, lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp theo quy định. Tư vấn xác định, thẩm định bảng giá đất, giá đất cụ thể.

8. Tư vấn xây dựng công trình xử lý nước sinh hoạt, nước thải, chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn công nghiệp, thông thường, chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật.

9. Tư vấn lập quy hoạch, điều tra, khảo sát, thăm dò, khai thác và chế biến, sử dụng khoáng sản; Lập hồ sơ cấp, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi, trả lại, chuyển nhượng giấy phép thăm dò khoáng sản, giấy phép khai thác khoáng sản; thiết kế khai thác mỏ, thiết kế bản vẽ kỹ thuật, bản vẽ thi công các loại công trình; thi công thăm dò, lập báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; lập đề án đóng cửa mỏ khoáng sản; giám sát thi công đề án thăm dò khoáng sản; khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn; thực hiện cung cấp các dịch vụ khác trong lĩnh vực địa chất, khoáng sản; đề xuất, tham gia thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực, địa chất, khoáng sản. Tư vấn, thi công, lập các hồ sơ, thủ tục liên quan đến lĩnh vực tài nguyên nước.

10. Điều tra khảo sát xác định vùng cấm, tạm cấm hoạt động khoáng sản phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước theo yêu cầu khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao.

11. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao, bảo đảm phù hợp với năng lực của Trung tâm theo quy định của pháp luật về kỹ thuật, nghiệp vụ đo đạc bản đồ, lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, kiểm kê đất đai, xác định giá đất, đánh giá phân hạng đất; thực hiện ký kết các hợp đồng nghiên cứu, kinh tế - kỹ thuật, hợp đồng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ thuộc lĩnh vực được giao theo quy định của pháp luật.

12. Hợp tác, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế để thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học và tư vấn, triển khai thực hiện các chương trình, đề án, dự án chuyển giao công nghệ kỹ thuật thuộc lĩnh vực tài nguyên đất, khoáng sản và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp, thông thường, chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật.

13. Thực hiện ký kết các hợp đồng kinh tế và các hoạt động tư vấn, dịch vụ theo quy định của pháp luật với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu trong lĩnh vực đo đạc bản đồ và các lĩnh vực khác thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc theo mức giá thỏa thuận đối với các dự án không thuộc nguồn vốn từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

14. Quản lý về tổ chức bộ máy, số lượng người làm việc, vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; quản lý, sử dụng và thực hiện chế độ, chính sách đối với viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật, phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh và ủy quyền của Giám đốc Sở.

15. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định về lĩnh vực công tác được giao.

16. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân công hoặc ủy quyền của Giám đốc Sở.

17. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Trung tâm, gồm: Giám đốc, không quá 03 Phó Giám đốc.
2. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Trung tâm:
 - a) Phòng Tổ chức - Hành chính.
 - b) Phòng Kỹ thuật - Nghiệp vụ.
 - c) Phòng Đo đạc bản đồ và Quy hoạch đất đai.
 - d) Phòng Tư vấn, Quan trắc, Phân tích môi trường.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 8 năm 2025.
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Nội vụ, Tài chính; Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường; Người đứng đầu cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Phan Huy Ngọc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYỀN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 83/2025/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 12 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định cụ thể các nhiệm vụ chi tổ chức thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính theo quy định tại Điều 15 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng năm 2015, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 4 Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập; Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 71/TTr-STC ngày 07 tháng 8 năm 2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định cụ thể các nhiệm vụ chi tổ chức thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính theo quy định tại Điều 15 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định cụ thể các nhiệm vụ chi tổ chức thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính theo quy định tại Điều 15 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14

tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, lô chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2025.

Điều 2. Các nhiệm vụ chi tổ chức thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính

1. Nhiệm vụ chi đối với cấp tỉnh

- a) Thực hiện xây dựng đề án sắp xếp đơn vị hành chính.
- b) Tổ chức tuyên truyền, vận động thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính.
- c) Thực hiện chế độ, chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động chịu tác động do sắp xếp đơn vị hành chính.
- d) Mua sắm, sửa chữa máy móc, trang thiết bị làm việc để phục vụ hoạt động thường xuyên khi hợp nhất tỉnh theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật của ngành, lĩnh vực có liên quan.
- đ) Sửa chữa, cải tạo, xây mới các hạng mục công trình xây dựng, trụ sở làm việc và các cơ sở vật chất của cơ quan, đơn vị cấp tỉnh do sắp xếp đơn vị hành chính theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đầu tư công và pháp luật của ngành, lĩnh vực có liên quan.
- e) Các nhiệm vụ cần thiết khác do sắp xếp đơn vị hành chính.

2. Nhiệm vụ chi đối với xã, phường

- a) Thực hiện xây dựng đề án sắp xếp đơn vị hành chính.
- b) Tổ chức tuyên truyền, vận động thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính.
- c) Mua sắm, sửa chữa máy móc, trang thiết bị làm việc để phục vụ hoạt động thường xuyên khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật của ngành, lĩnh vực có liên quan.
- d) Sửa chữa, cải tạo, xây mới các hạng mục công trình xây dựng, trụ sở làm việc, trung tâm phục vụ hành chính công và các cơ sở vật chất của cơ quan, đơn vị thuộc xã, phường do sắp xếp đơn vị hành chính theo quy định của pháp luật về xây

dụng, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đầu tư công và pháp luật của ngành, lĩnh vực có liên quan.

đ) Các nhiệm vụ cần thiết khác do sắp xếp đơn vị hành chính.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 8 năm 2025.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Phan Huy Ngọc

II. VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH****ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYỀN QUANG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 441/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 12 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH**Về việc thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia
tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021 - 2025****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYỀN QUANG***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;**Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;**Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;**Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;**Căn cứ Nghị quyết số 162/2024/QH15 ngày 27/11/2024 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035;**Căn cứ Nghị quyết số 163/2024/QH15 ngày 27/11/2024 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030;**Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc*

sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ về Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị quyết số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn 1 từ năm 2021 - 2025; Quyết định số 920/QĐ-TTg ngày 14/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh một số nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021- 2030, giai đoạn I; từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 38/TTr-STC ngày 24/7/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Tuyền Quang giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi tắt là *Ban Chỉ đạo*) gồm các thành viên sau:

1. Ông Phan Huy Ngọc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh - Trưởng Ban.
2. Ông Hoàng Gia Long, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh - Phó Trưởng Ban.

3. Bà Vương Ngọc Hà, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh - Phó Trưởng Ban.

4. Ông Vân Đình Thảo, Giám đốc Sở Tài chính - Ủy viên Thường trực.

5. Ông Nguyễn Đức Thuận, Giám đốc Công an tỉnh - Ủy viên Thường trực.

6. Ông Phạm Mạnh Duyệt, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường - Ủy viên Thường trực.

7. Ông Nguyễn Trung Ngọc, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Ủy viên Thường trực.

8. Bà Chu Thị Ngọc Diệp, Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo - Ủy viên Thường trực.

9. Ông Lại Tiến Giang, Chỉ huy Trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh.

10. Bà Lại Thị Hương, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh - Ủy viên.

11. Ông Lê Thanh Sơn, Giám đốc Sở Xây dựng - Ủy viên.

12. Ông Hoàng Anh Cường, Giám đốc Sở Công Thương - Ủy viên.

13. Ông Phạm Ninh Thái, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ - Ủy viên.

14. Ông Đỗ Anh Tuấn, Giám đốc Sở Nội vụ - Ủy viên.

15. Ông Nguyễn Khánh Lâm, Giám đốc Sở Tư pháp - Ủy viên.

16. Ông Vũ Đình Hưng, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo - Ủy viên.

17. Ông Nguyễn Thành Hưng, Giám đốc Sở Y tế - Ủy viên.

18. Ông Nguyễn Trung Thu, Giám đốc Sở Ngoại vụ - Ủy viên.

19. Ông Mai Đức Thông, Tổng Biên tập Báo và phát thanh, truyền hình Tuyên Quang - Ủy viên.

20. Ông Phạm Hùng Sơn, Trưởng Thống kê tỉnh Tuyên Quang - Ủy viên.

21. Ông Phạm Thái Sơn, Giám đốc Bảo hiểm xã hội khu vực XIX - Ủy viên.

22. Ông Trịnh Ngọc Tuấn, Phó Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Khu vực 4 tại Tuyên Quang - Ủy viên.

23. Ông Đặng Đức Thắng, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Tuyên Quang - Ủy viên.

24. Bà Trương Thị Sâm, Phó Giám đốc, Kho bạc Nhà nước Khu vực VIII tỉnh

Tuyên Quang - Ủy viên.

25. Mời lãnh đạo Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tham gia ủy viên Ban Chỉ đạo.

Điều 2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo

1. Ban Chỉ đạo có chức năng giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, điều hành, giải quyết những công việc chung liên quan đến quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021- 2025 và chuẩn bị nội dung thực hiện trong giai đoạn 2026-2030.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chỉ đạo

a) Nghiên cứu, tổng hợp, đề xuất giúp Ủy ban nhân dân tỉnh phương hướng, giải pháp chỉ đạo, điều hành những vấn đề chung trong quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

a) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, điều hành, điều phối hoạt động giữa các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân xã, phường trong tổ chức, triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; chỉ đạo, đôn đốc các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân xã, phường tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025; chuẩn bị thực hiện trong giai đoạn 2026-2030.

Điều 3. Hoạt động của Ban Chỉ đạo và cơ quan giúp việc Ban Chỉ đạo

1. Hoạt động của Ban Chỉ đạo

a) Ban Chỉ đạo làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, đề cao trách nhiệm cá nhân, thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều 2 Quyết định này và hoạt động theo Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo.

b) Trưởng Ban Chỉ đạo ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo; lãnh đạo, điều hành hoạt động chung của Ban Chỉ đạo; phân công nhiệm vụ của Trưởng Ban Chỉ đạo, các Phó Trưởng Ban Chỉ đạo và các thành viên Ban Chỉ đạo.

c) Trưởng Ban và các Phó Trưởng Ban Chỉ đạo sử dụng con dấu của Ủy ban nhân dân tỉnh; thành viên Ban Chỉ đạo sử dụng con dấu của cơ quan, đơn vị nơi công

tác.

2. Cơ quan giúp việc cho Ban Chỉ đạo

a) Sở Tài chính là cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo, sử dụng bộ máy của Sở để thực hiện các nhiệm vụ giúp việc cho Ban Chỉ đạo về quản lý, tổng hợp chung các chương trình mục tiêu quốc gia.

b) Cơ quan được giao chủ trì Chương trình mục tiêu quốc gia sử dụng bộ máy hiện có của mình để thực hiện nhiệm vụ giúp việc cho Ban Chỉ đạo theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia; bảo đảm tinh gọn, hiệu quả, không làm tăng đầu mối tổ chức, biên chế.

c) Các cơ quan có đại diện lãnh đạo tham gia Ban Chỉ đạo sử dụng bộ máy hiện có của mình để giúp việc Ủy viên Ban Chỉ đạo trong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo.

Điều 4. Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo

Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

2. Các Quyết định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực:

a) Quyết định số 740/QĐ-UBND ngày 02/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025.

b) Quyết định số 234/QĐ-UBND ngày 21/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc Bổ sung thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025.

c) Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về việc thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Hà Giang giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc, Thủ trưởng các

Sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và các và các thành viên Ban Chỉ đạo nêu tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Phan Huy Ngọc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYỀN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 449/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 12 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thành lập các chi cục, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYỀN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 158/2028/NĐ-CP ngày 22/11/2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định tổ chức lại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và UBND xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Đề án số 03/ĐA-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang khi hợp nhất đơn vị hành chính tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang;

Căn cứ Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1. Thành lập 05 Chi cục thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh
Tuyên Quang (sau hợp nhất)**

1. Thành lập 05 Chi cục gồm:

- a) Chi cục Bảo vệ môi trường.
- b) Chi cục Thủy lợi.
- c) Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng.
- d) Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.
- đ) Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản

2. Các Chi cục quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này là tổ chức hành chính thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng để hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Thành lập 14 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang (sau hợp nhất)

- 1. Thành lập 14 đơn vị sự nghiệp công lập gồm:
 - a) Trung tâm Khuyến nông.
 - b) Trung tâm Nước sạch nông thôn.
 - c) Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường.
 - d) Trung tâm Thủy sản.
 - đ) Trung tâm Điều tra, Quy hoạch - Thiết kế nông lâm nghiệp.
 - e) Ban Quản lý khai thác công trình thủy lợi Tuyên Quang.
 - g) Trung tâm Khoa học Nông nghiệp và Môi trường.
 - h) Ban Quản lý rừng đặc dụng Nà Hang.
 - i) Ban Quản lý rừng đặc dụng Tân Trào - Cham Chu.
 - k) Ban Quản lý rừng phòng hộ Lâm Bình.
 - l) Ban Quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh.
 - m) Ban Quản lý rừng đặc dụng Đại Bát Sơn.
 - n) Ban Quản lý rừng đặc dụng Du Già.
 - o) Ban Quản lý rừng đặc dụng Phong Quang.

2. Các đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng để hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các chi cục, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định của pháp luật.

b) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Giao Giám đốc Sở Nội vụ hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở: Nội vụ, Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan tại Điều 1, Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Phan Huy Ngọc

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TUYỀN QUANG XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 160 - Đường Trần Hưng Đạo - P. Minh Xuân - T. Tuyền Quang

Điện thoại liên hệ: 0207.3822.475;

E-mail: tuyenquang@chinhphu.vn;

Website: congbao.tuyenquang.gov.vn.